

Số/No.: 96 /2023/WSB

Cần Thơ, ngày 07... tháng 04 năm 2023

Can Tho, April 07..., 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước;  
*State Securities Commission of Vietnam (SSC);*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.  
*Ha Noi Stock Exchange (HNX).*

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

*Name of Organization: WESTERN – SAIGON BEER JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/ Stock code: WSB
- Địa chỉ: KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ, Việt Nam  
*Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam*
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0292 3843333 Fax: 0292 3843222
- E-mail: [wsb@wsb-sabeco.com.vn](mailto:wsb@wsb-sabeco.com.vn)

**2. Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây công bố báo cáo thường niên năm 2022.**

*Content of information disclosure: Western – Saigon Beer Joint Stock Company publishes the annual report in 2022.*

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>**

*The information is published on the Company's website at the link: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided above is true and bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**

**Người CBTT**

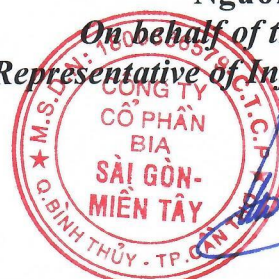
*On behalf of the organization  
Representative of Information Disclosure*

**Nơi nhận/Recipients:**

- SGDCCKHN/Hà Nội Stock Exchange
- Lưu: HC/ Saved at the Admin. Department

**Đính kèm/ Attached:**

- Báo cáo thường niên năm 2022  
*The annual report in 2022*



**Lê Đăng Khoa**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

# MỤC LỤC

|           |   |
|-----------|---|
| <b>01</b> | <b>04 THÔNG TIN CHUNG</b>   |
|           | 06 Thông tin khái quát  |
|           | 11 Ngành nghề, địa bàn kinh doanh   |
|           | 12 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý            |
|           | 14 Định hướng phát triển  |
|           | 18 Các rủi ro   |
| <b>02</b> | <b>20 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>   |
|           | 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  |
|           | 26 Tổ chức và nhân sự   |
|           | 34 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án                                |
|           | 38 Tình hình tài chính  |
|           | 44 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu                             |
|           | 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty                |
| <b>03</b> | <b>50 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>                                    |
|           | 52 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh                                 |
|           | 56 Tình hình tài chính  |
|           | 60 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                          |
|           | 60 Kế hoạch phát triển trong tương lai  |
|           | 60 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán                           |
|           | 61 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty |

|           |   |
|-----------|---|
| <b>04</b> | <b>62 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>                                   |
|           | 64 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty                                  |
|           | 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty                             |
|           | 67 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị   |
| <b>05</b> | <b>68 QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>  |
|           | 70 Hội đồng quản trị  |
|           | 80 Ban Kiểm soát  |
|           | 86 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát |
| <b>06</b> | <b>92 BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>   |
|           | 94 Ý kiến kiểm toán   |
|           | 95 Báo cáo tài chính được kiểm toán   |





# BIA SAIGON ĐI LÊN CÙNG NHAU



ĐÃ UỐNG RƯỢU BIA KHÔNG LÁI XE  
NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU BIA

## 1 THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 11 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Định hướng phát triển
- 18 Các rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|               |  |
|---------------|--|
| Tên giao dịch | : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY                           |
| Tên tiếng anh | : WESTERN - SAI GON BEER JOINT STOCK COMPANY                       |
| Tên viết tắt  | : WESABECO   |
| Vốn điều lệ   | : 145.000.000.000 đồng   |
| Địa chỉ       | : Khu công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ       |
| Số điện thoại | : 02923 843 333  |
| Số fax        | : 02923 843 222  |
| Website       | : <a href="http://www.wsb-sabeco.com.vn">www.wsb-sabeco.com.vn</a> |
| Mã cổ phiếu   | : WSB  |
| Sàn giao dịch | : UPCOM  |
| Email         | : <a href="mailto:wsb@wsb-sabeco.com.vn">wsb@wsb-sabeco.com.vn</a> |

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 1800586579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 13/04/2005, thay đổi lần 11 ngày 13/05/2022





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần (CTCP) Bia Sài Gòn – Miền Tây tiền thân là 02 nhà máy trực thuộc Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) bao gồm Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng với công suất mỗi nhà máy đạt khoảng 25 triệu lít bia và 23 triệu lít bia mỗi năm.

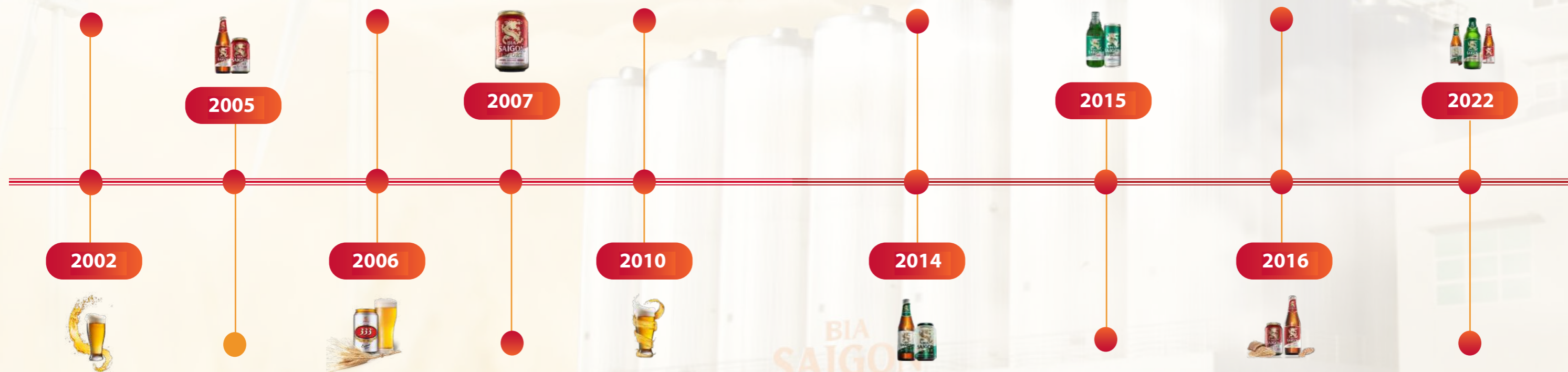
Ngày 06/06/2006, trên cơ sở hợp nhất 02 đơn vị gồm CTCP Bia Sài Gòn – Cần Thơ và CTCP Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây được thành lập với công suất là 70 triệu lít bia mỗi năm, vốn điều lệ là 145 tỷ đồng, trong đó SABECO chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty.

Ngày 10/08/2010, Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán WSB tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 01/01/2014, Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng 2 (thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Bia Sài Gòn – Sóc Trăng) chính thức đưa vào khai thác, với công suất thiết kế 50 triệu lít bia mỗi năm và sản phẩm chính là bia lon Sài Gòn các loại.

Ngày 29/4/2016, nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (cũ) chính thức giải thể theo Quyết định số 29/2016/QĐ-HĐQT.

CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây tròn 10 năm hình thành và phát triển, vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng.



2002



Ngày 01/5/2005, 02 Nhà máy Cần Thơ và Sóc Trăng được chính thức chuyển đổi thành CTCP Bia Sài Gòn – Cần Thơ và CTCP Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, với vốn điều lệ lần lượt là 90 tỷ đồng và 55 tỷ đồng, trong đó SABECO nắm 51% vốn điều lệ.

2005



2006



Tháng 6/2007, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây chính thức trở thành Công ty đại chúng. Ngày 29/06/2007, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây góp vốn thành lập CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu (chiếm 20% vốn điều lệ của Công ty).

2007



2010



2014



2015



2016



Dự án “Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ” hoàn thiện và đi vào hoạt động với công suất 50 triệu lít bia mỗi năm và sản phẩm chính là bia chai Sài Gòn các loại.

2022







Hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất khoảng 1MW chính thức được đấu nối vào hệ thống điện của 2 nhà máy giúp Công ty tiết kiệm được chi phí điện năng đồng thời cắt giảm mức tiêu thụ năng lượng cho sản xuất.





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### CÁC THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG


#### Năm 2013

-  Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
-  Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2013” do Bộ Công thương trao tặng cho 03 tập thể: CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
-  Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương cho 03 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013 bao gồm: CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
-  Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ tặng cho CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây đã có thành tích xuất sắc trong công tác sản xuất kinh doanh năm 2013.



#### Năm 2014

-  Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
-  Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2014” do Bộ Công thương trao tặng cho các tập thể CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ, Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.

#### Năm 2015

-  Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua 2015” của Bộ Công thương trao tặng cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng, Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ.

#### Năm 2016

-  Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây, đồng thời kỷ niệm 10 năm hình thành và phát triển Công ty;
-  Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua 2016” do Bộ Công thương trao tặng cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, nứa) và động vật sống (Kinh doanh, xuất khẩu nông sản, nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát; Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Kinh doanh phụ phẩm) (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật);
- Xây xát và sản xuất bột thô (Chi tiết: Chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Kinh doanh bất động sản theo các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản), (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật);
- Xây xát và sản xuất bột thô (Chi tiết: Chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát).

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các tỉnh thành khu vực Nam bộ, Đông Nam bộ



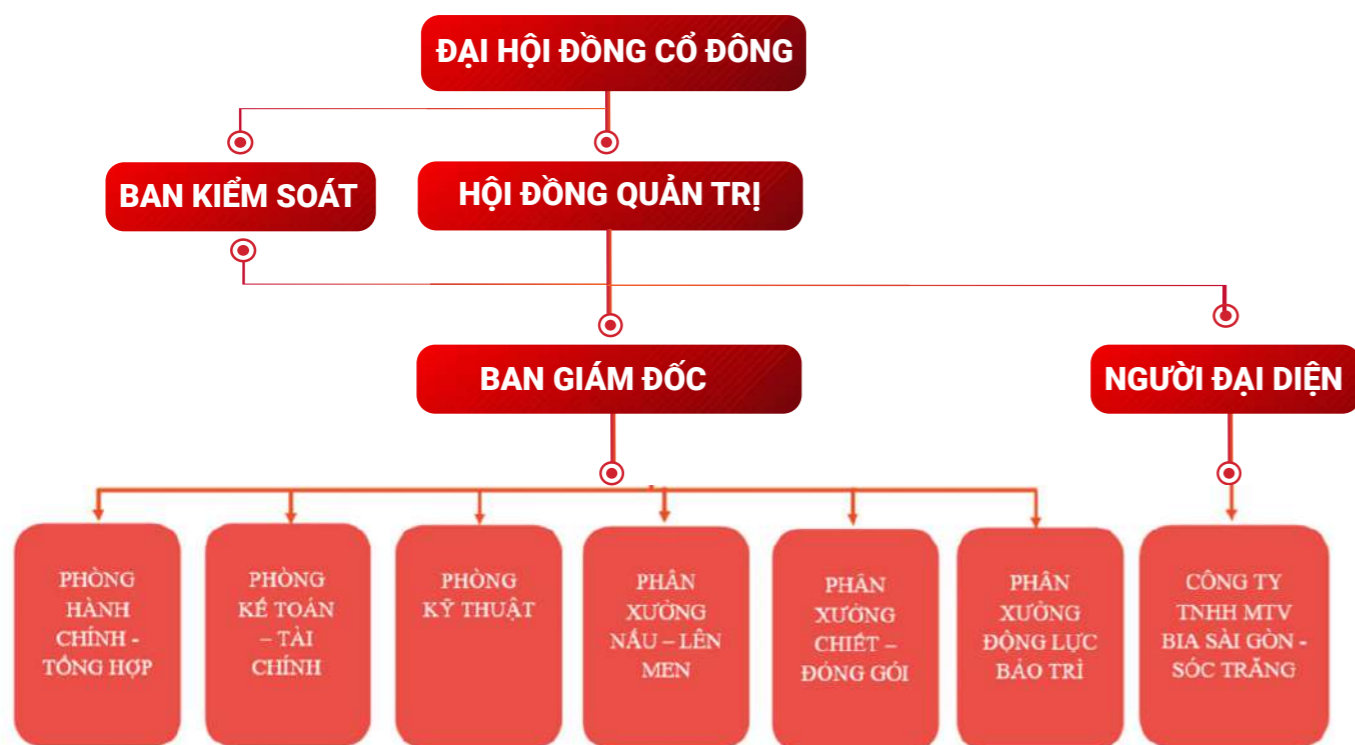
# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tổ chức mô hình quản trị theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ),
- Hội đồng quản trị (HĐQT)
- Ban kiểm soát (BKS)
- Ban Giám đốc
- Các phòng nghiệp vụ, phân xưởng sản xuất.

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



### TRỤ SỞ VÀ NHÀ MÁY CHÍNH

- 📍 Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- ☎ Điện thoại: 02923 843 333
- 📠 Fax: 02923 843 222

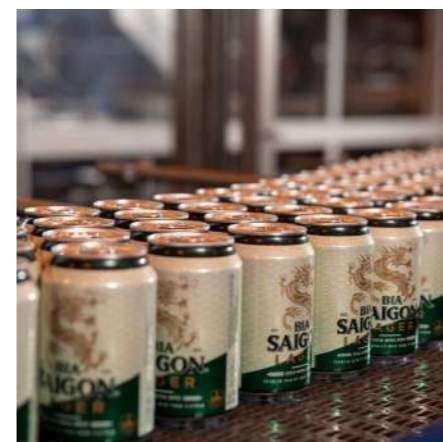
## DANH SÁCH CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty con: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

- Địa chỉ: Lô S Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
- Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
- VĐL : 200.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn: 100% vốn điều lệ

### Công ty liên kết: CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

- Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
- VĐL: 120.120.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn: 20% vốn điều lệ







## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

#### Tăng cường quản lý công tác sản xuất - giao hàng

Không ngừng cải tiến công nghệ, đồng bộ hệ thống dây chuyền sản xuất, thiết bị, đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm và cam kết đưa ra thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất;

Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật các vật tư nguyên vật liệu, năng lượng trong quá trình sản xuất; đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm vật tư, năng lượng.

Duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015; ISO 22000:2018, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2017;

Đảm bảo chất lượng đầu ra và an toàn vệ sinh thực phẩm, cam kết đưa ra thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất đến tay người tiêu dùng;

Phối hợp cùng đơn vị thương mại, vận tải giao hàng để đạt kế hoạch S&OP, giảm thời gian lưu kho bia; đồng thời phối hợp trong các hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm theo chủ trương của SABECO nhằm tăng mức tiêu thụ sản phẩm tại các khu vực mà Công ty giao hàng, nâng tầm thương hiệu Bia Sài Gòn.

#### Tối ưu chi phí tài chính, gia tăng hiệu quả kinh doanh

Tăng cường công tác kiểm soát ngân sách hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và luân chuyển dòng tiền hợp lý, tiết kiệm chi phí tài chính;

Cẩn trọng sử dụng đòn bẩy tài chính, hạn chế nợ vay, đảm bảo tình hình tài chính Công ty ổn định, tạo nền tảng cho sự phát triển trong sản xuất kinh doanh.

#### Tổ chức quản lý và phát triển nguồn nhân lực

Tinh gọn bộ máy quản lý, củng cố sự gắn kết và nâng cao năng suất lao động bằng cách duy trì chính sách quản lý, đánh giá hiệu quả công việc theo hệ số hoàn thành (KPIs), thực hiện cải tiến quy chế phân phối lương thưởng và phúc lợi cho người lao động;

Thường xuyên triển khai công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng và nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự nhiệt huyết, chuyên môn cao

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Gia tăng hiệu quả hoạt động của các nhà máy trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị và nhu cầu thị trường tại khu vực;

Chung tay cùng SABECO phát triển thương hiệu Bia Sài Gòn, giữ vững và phát triển thị phần Bia Sài Gòn trong khu vực;

Mang lợi ích thiết thực cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội;

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng suất và chất lượng, chú trọng đến sức khỏe và đời sống người lao động, tạo mọi điều kiện để nhân tài gắn bó, sáng tạo và cống hiến;

Chung tay thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường;

Sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, hướng đến phát thải bằng 0 theo định hướng của tập đoàn trong tương lai.

# CÔNG THỨC NGUYỄN BẢN





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM, MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Trong các yêu cầu thì chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu và năng lượng là yếu tố hàng đầu mang tính quyết định. Để thực hiện được điều này, Công ty cam kết cung cấp đầy đủ các nguồn lực và tổ chức triển khai thực hiện theo chính sách:

- » Sản xuất & cung cấp các sản phẩm Bia Sài Gòn đạt chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn SABECO quy định.
- » Cam kết thực hiện nhất quán với Chính sách Môi trường, Chính sách phát triển bền vững, Chính sách quản lý nguồn nước do SABECO ban hành thông qua các hoạt động:
  - Chấp hành luật pháp hiện hành của Nhà nước, các chế định của các tổ chức chuyên ngành có liên quan;
  - Thực hiện tốt việc kinh doanh của Công ty cũng như quản trị rủi ro trên tất cả các khía cạnh có ảnh hưởng đến vận hành doanh nghiệp;
  - Phát huy ý nghĩa của việc bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường như văn hóa doanh nghiệp của Công ty;
  - Cố gắng giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, đến nguồn tài nguyên nước trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày cũng như trong chiến lược kinh doanh của Công ty bằng cách thực hành sử dụng tài nguyên nước, nguyên vật liệu sản xuất, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: đặt mục tiêu cụ thể về giảm lượng nước tiêu thụ, giảm mức tiêu hao năng lượng, giảm khí thải gây ô nhiễm môi trường, giảm lượng nước thải và rác thải;

Định kỳ xem xét và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý, cải tiến công nghệ, thiết bị, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống để gia tăng sự thỏa mãn các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

### HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Không chỉ nỗ lực nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây còn luôn đi đầu trong công tác an sinh xã hội. Sự phát triển của Công ty không chỉ đóng góp tích cực về mặt kinh tế cho địa phương mà còn song hành cùng những hoạt động xã hội giàu ý nghĩa như: xây nhà tình thương, các công trình phúc lợi xã hội, trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, tài trợ các hoạt động văn hóa thể thao của địa phương...; qua đó góp phần làm đẹp hơn, ý nghĩa hơn thông điệp “Bia Sài Gòn - Chung tay vì cộng đồng” của SABECO.





## CÁC RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong năm 2022 đã phải đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế. Cụ thể, chính sách Zero Covid của Trung Quốc và cuộc xung đột Nga - Ukraine đã làm chậm quá trình phục hồi kinh tế sau đại dịch, làm trầm trọng thêm tình trạng gián đoạn nguồn cung và đẩy giá hàng hóa thế giới tăng mạnh. Điều này đã gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu của Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), từ đó ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với bối cảnh nền kinh tế vẫn tồn đọng những khó khăn, Công ty luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, đề ra phương án thích nghi với tình hình kinh tế hiện tại, lên kế hoạch dự phòng nhằm tối thiểu hóa thiệt hại, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

### RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

#### Rủi ro cạnh tranh

Theo bản quy hoạch phát triển của ngành bia Việt Nam do Bộ Công thương đặt ra mục tiêu sẽ đạt sản lượng bia lên 4,6 tỷ lít vào năm 2025 và cán mốc 5,5 tỷ lít bia vào năm 2035 cho thấy tốc độ sản xuất và tiêu thụ bia rượu ở nước ta đang tăng trưởng mạnh mẽ. Thực tế, theo tờ Markettimes, mức tiêu thụ bia của Việt Nam tính đến năm 2022 là 2,2% thị trường toàn cầu, ở mức 3,8 triệu lít bia hàng năm. Điều này đã khiến Việt Nam trở thành người đứng đầu trong khu vực ASEAN về tiêu thụ bia cho thấy sức hấp dẫn của thị trường tiêu thụ bia tại Việt Nam chính là mục tiêu phát triển của các hãng bia nội địa và quốc tế.

Sự cạnh tranh trên thị trường bia rất khốc liệt nên doanh nghiệp rất dễ bị tụt lại phía sau, ngay cả những thương hiệu bia lớn trên thế giới cũng khó giữ vững thị phần ở Việt Nam. Vì thế, Công ty luôn cố gắng duy trì và giữ vững vị thế của mình, tiếp tục đồng hành cùng SABECO phát triển thương hiệu với mẫu mã đẹp mắt, chất lượng tương xứng với đẳng cấp của khách hàng, quyết tâm đưa Bia Sài Gòn trở thành sự lựa chọn hàng đầu của người Việt.

#### Rủi ro giá nguyên vật liệu

Áp lực lạm phát kèm theo cuộc xung đột Nga - Ukraine đã và đang tạo nên sự khủng hoảng chi phí nguyên liệu đầu vào, gây đứt gãy chuỗi cung ứng và thiếu nguồn nguyên liệu sản xuất làm trầm trọng hơn những khó khăn hiện hữu của ngành sản xuất đồ uống. Đặc biệt nguồn cung nguyên liệu đầu vào của Công ty hoàn toàn phụ thuộc vào hoạt động nhập khẩu malt, hoa bia từ Châu Âu, Mỹ và Úc của SABECO. Bên cạnh đó, giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng mạnh, điển hình như nguyên liệu chính để sản xuất bia của Công ty là malt đã tăng tới 40 - 50%, các nguyên liệu khác, như: vỏ lon, thùng giấy, phụ liệu hóa chất... tăng trung bình 15% - 35% và đà tăng chưa có dấu hiệu giảm nhiệt, tác động lớn đến chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng nguy cơ sụt giảm lợi nhuận của Công ty.



### RỦI RO PHÁP LUẬT

Sau một thời gian dài do tác động của các biện pháp giãn cách xã hội từ đại dịch Covid - 19 và chịu thêm tác động từ các chính sách quản lý ngành, bao gồm Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia với các hạn chế toàn diện về quảng cáo, khuyến mại, sản xuất, kinh doanh và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, khiến nhu cầu tiêu thụ bia bị ảnh hưởng.

Theo Hiệp hội Bia - Rượu - Nước giải khát Việt Nam, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đã có những tác động tích cực nhất định, phần nào cải thiện tình trạng khó khăn của người dân và doanh nghiệp.

### RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro gây thiệt hại đến con người, tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ, ô nhiễm môi trường,... đều được Công ty phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ bằng các hình thức mua bảo hiểm cho nhân viên và cho tài sản của Công ty, luôn đề cao cảnh giác, nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý tình huống để tối thiểu hóa những rủi ro này, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện một cách đầy đủ và liên tục.

Tuy nhiên, các gói hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động chưa có tác động rõ nét. Một số chính sách giãn thuế, bảo hiểm xã hội, tiền thuê đất,... đối với doanh nghiệp tuy đã giúp doanh nghiệp bớt nỗi lo về thanh khoản, dòng tiền nhưng thời gian áp dụng ngắn, số lượng không lớn nên chưa thể giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

Nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật trong kinh doanh, Công ty luôn chấp hành và cập nhật liên tục sự thay đổi trong các quy định, các điều luật hướng đến sự ổn định bởi vì bất kỳ sự thay đổi nào có liên quan về luật pháp cũng gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



# BỘ LON #63 LÀ 1 CÙNG NHAU LÀM NÊN TẾT



## 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 26 Tổ chức và nhân sự
- 34 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 38 Tình hình tài chính
- 44 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





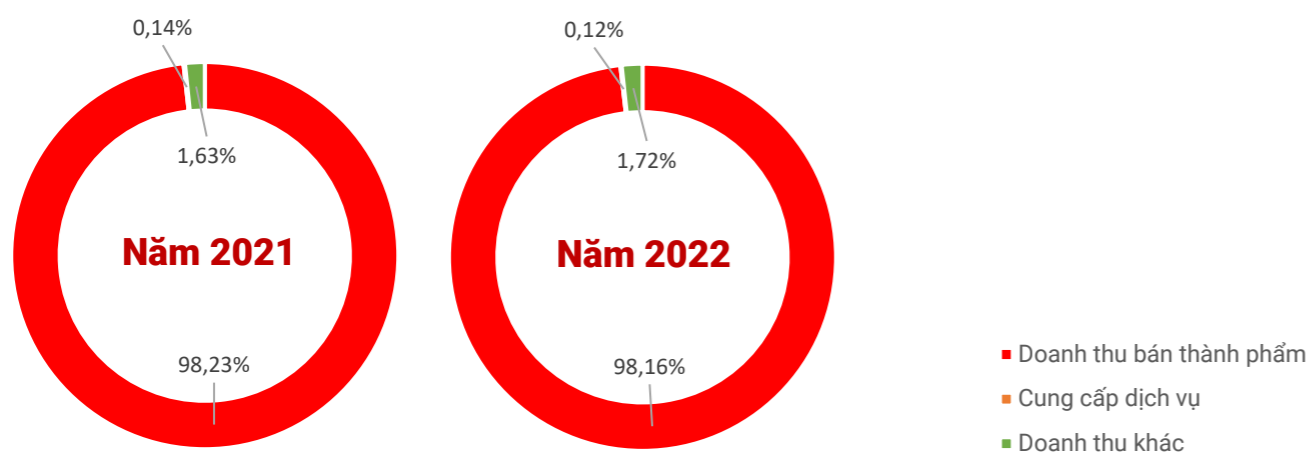
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

### Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

| STT              | Doanh thu thuần          | Năm 2021       |                | Năm 2022       |                | %Tăng/<br>Giảm |
|------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                  |                          | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị        | Tỷ trọng       |                |
| 1                | Doanh thu bán thành phẩm | 766.271        | 98,23%         | 731.695        | 98,16%         | (4,51%)        |
| 2                | Cung cấp dịch vụ         | 1.061          | 0,14%          | 877            | 0,12%          | (17,37%)       |
| 3                | Doanh thu khác           | 12.734         | 1,63%          | 12.841         | 1,72%          | 0,84%          |
| <b>Tổng cộng</b> |                          | <b>780.066</b> | <b>100,00%</b> | <b>745.413</b> | <b>100,00%</b> | <b>(4,44%)</b> |



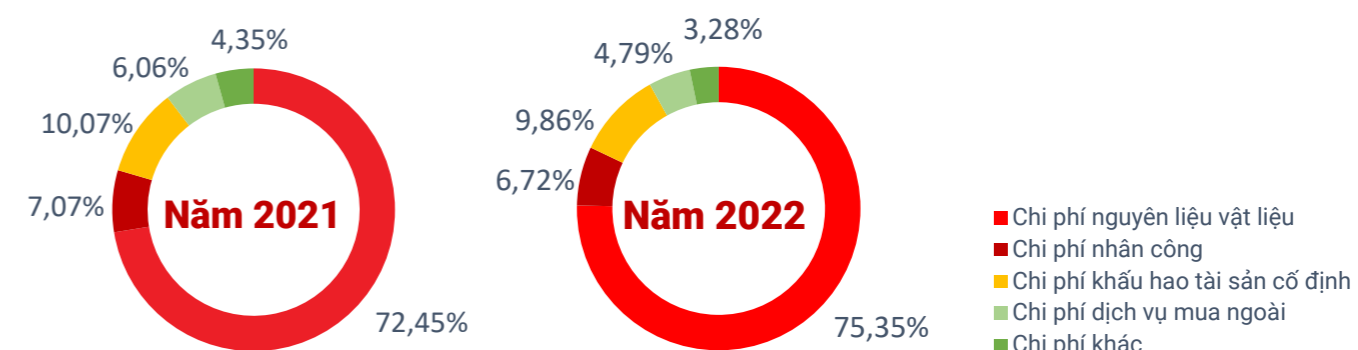
Năm 2022 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo đó, tính đến thời điểm cuối năm 2022, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt hơn 745 tỷ đồng, giảm gần 35 tỷ đồng (tương ứng với mức giảm 4,44%) so với cùng kỳ năm trước. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã có những diễn biến khả quan hơn trong năm 2022 nhờ việc không còn áp dụng giãn cách xã hội, cùng với đó là việc mở cửa trở lại các hoạt động kinh tế, xã hội và du lịch trong nước. Tuy nhiên sản lượng tiêu thụ bia của Công ty vẫn chưa thể tăng trưởng được như kỳ vọng, dẫn đến sự sụt giảm doanh thu thuần của Công ty.

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu bán thành phẩm vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất với 98,16% và ghi nhận đạt gần 732 tỷ đồng, giảm 4,51% so với năm 2021. Trong khi đó, doanh thu từ các hoạt động khác ghi nhận mức tăng trưởng 0,84%, đạt gần 13 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,72% trong cơ cấu doanh thu thuần. Ngoài ra, doanh thu đến từ cung cấp dịch vụ trong năm tuy giảm 17,37% so với cùng kỳ, nhưng với tỷ trọng thấp trong cơ cấu doanh thu vì thế không gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

### Cơ cấu chi phí sản xuất và kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

| STT              | Doanh thu thuần           | Năm 2021       |             | Năm 2022       |                | %Tăng/<br>Giảm |
|------------------|---------------------------|----------------|-------------|----------------|----------------|----------------|
|                  |                           | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng       |                |
| 1                | Chi phí nguyên vật liệu   | 498.122        | 72,45%      | 514.974        | 75,35%         | 3,88%          |
| 2                | Chi phí nhân công         | 48.591         | 7,07%       | 45.947         | 6,72%          | (5,44%)        |
| 3                | Chi phí khấu hao TSCĐ     | 69.242         | 10,07%      | 67.368         | 9,86%          | (2,71%)        |
| 4                | Chi phí dịch vụ mua ngoài | 41.638         | 6,06%       | 32.721         | 4,79%          | (21,41%)       |
| 5                | Chi phí khác              | 29.910         | 4,35%       | 22.428         | 3,28%          | (25,01%)       |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>687.503</b> | <b>100%</b> | <b>683.439</b> | <b>100,00%</b> | <b>(0,59%)</b> |



Trong năm 2022, tổng chi phí sản xuất và kinh doanh là 683 tỷ đồng, giảm 0,59% so với năm trước (tương đương giảm hơn 4 tỷ đồng). Trong đó:

- Do đặc thù ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bia nên chi phí nguyên vật liệu là chi tiêu chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí với tỷ lệ là 75,35%, tăng 3,38% so với năm trước, chủ yếu là do biến động giá nguyên vật liệu trong năm tăng cao.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh, với tỷ lệ là 9,86%, giảm 2,71% so với cùng kỳ, do một phần tài sản cố định đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng để phục vụ công tác sản xuất.
- Các khoản mục còn lại như chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác vẫn duy trì mức tỷ trọng ổn định và đều có xu hướng giảm so với năm 2021.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

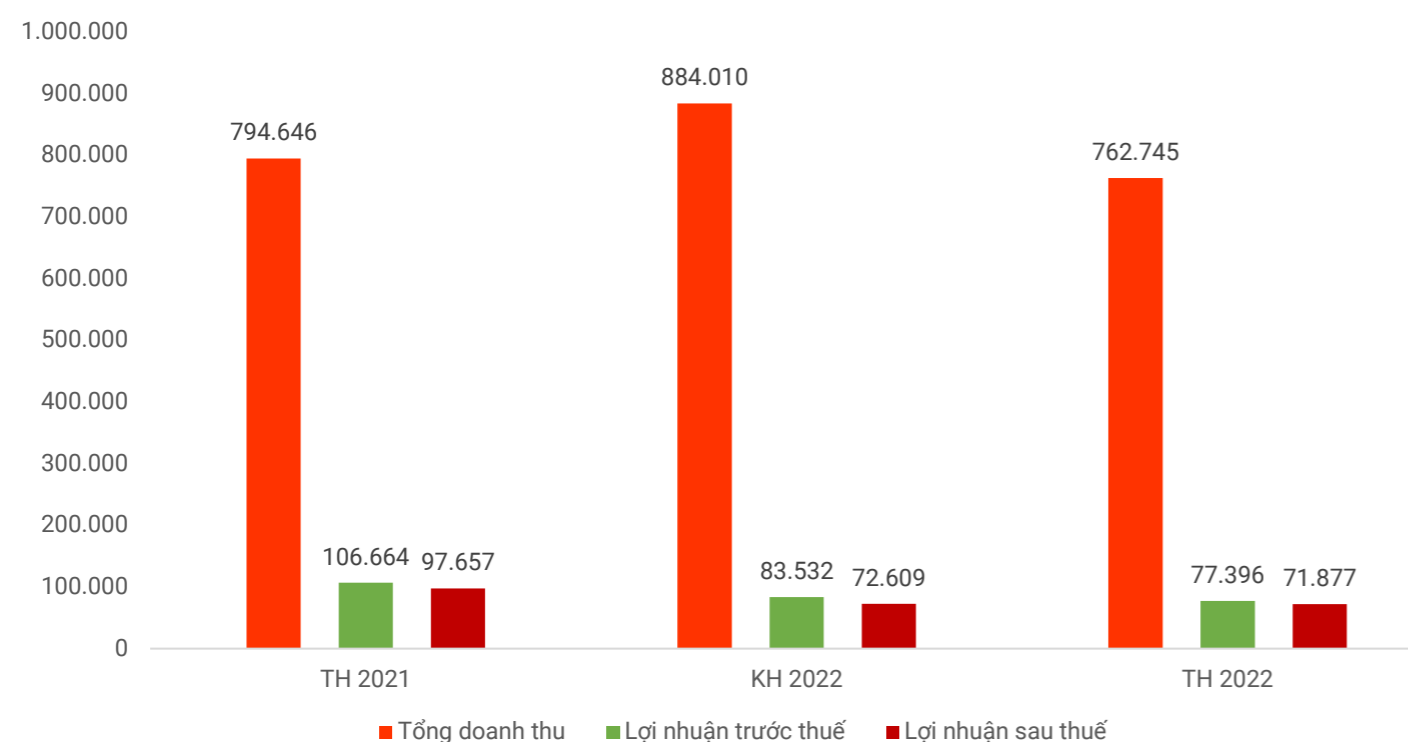
ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu             | TH 2021 | KH 2022 | TH 2022 | TH 2022/<br>TH 2021 | TH 2022/<br>KH 2022 |
|----------------------|---------|---------|---------|---------------------|---------------------|
| Tổng doanh thu       | 794.646 | 884.010 | 762.745 | 95,99%              | 86,28%              |
| Lợi nhuận trước thuế | 106.664 | 83.532  | 77.396  | 72,56%              | 92,65%              |
| Lợi nhuận sau thuế   | 97.657  | 72.609  | 71.877  | 73,60%              | 98,99%              |

Trong bối cảnh chi phí đầu vào tăng cao hơn so với năm trước, với nỗ lực giảm thiểu tác động của các yếu tố bên ngoài, với sự chỉ đạo mạnh mẽ từ HĐQT và sự điều hành quyết liệt của Ban điều hành đã giúp Công ty thực hiện tốt việc tiết kiệm chi phí kinh doanh, từ đó Công ty đã duy trì được hiệu quả kinh doanh. Theo đó, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 tuy chưa thể hoàn thành kế hoạch, song các chỉ tiêu kinh doanh vẫn đạt ở mức cao và gần như hoàn thành kế hoạch đề ra.

Do ảnh hưởng bởi tình hình địa chính trị thế giới, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, lạm phát tăng làm cho giá nguyên vật liệu đầu vào và bao bì tăng cao (đặc biệt là malt, vỏ lon nhôm...). Đây là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

Cụ thể, tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 762.745 triệu đồng, hoàn thành 86,28% so với kế hoạch, lợi nhuận trước và sau thuế được ghi nhận lần lượt là 77.396 triệu đồng và 71.877 triệu đồng, đạt 92,65% và 98,99% chỉ tiêu kế hoạch, với kết quả này, Công ty đảm bảo được khả năng sản xuất kinh doanh ổn định qua từng năm.





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Thành viên         | Chức vụ      | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------|--------------|--------------------|--------------|
| 1   | Lê Đăng Khoa       | Giám đốc     | 0                  | 0%           |
| 2   | Võ Văn Vân         | Phó Giám đốc | 0                  | 0%           |
| 3   | Phạm Minh Quân     | Phó Giám đốc | 0                  | 0%           |
| 4   | Trương Thị Mỹ Hồng | Phó Giám đốc | 5.220              | 0,04%        |

### Giới thiệu Ban điều hành



#### ÔNG LÊ ĐĂNG KHOA

Năm sinh: 1967  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thực phẩm, Cử nhân kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
- Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
- Trợ lý và tư vấn Ban Giám đốc, Công ty Rượu – Bia – NGK Hậu Giang
- Cán bộ giảng dạy, Trường Đại học Cần Thơ

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



#### ÔNG VÕ VĂN VÂN

Năm sinh: 1968  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
- Phụ trách kế toán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
- Kế toán trưởng, Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### ÔNG PHẠM MINH QUÂN

Năm sinh: 1988  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Phó Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
- Trưởng Văn phòng đại diện tại TP.HCM, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



### BÀ TRƯƠNG THỊ MỸ HỒNG

Năm sinh: 1972  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ
- Trưởng phòng Tài chính – Kiểm toán nội bộ, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 5.220 cổ phiếu chiếm 0,04% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



### Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2022

Trong năm 2022, Ban điều hành không có sự thay đổi về nhân sự, luôn thực hiện đúng nhiệm vụ về sản xuất kinh doanh và đầu tư được giao bởi ĐHCĐ, HĐQT, tuân thủ pháp luật.





## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

| STT      | Phân loại                                  | Năm 2022<br>Số lượng (người) |           |            | Tỷ trọng (%)   |
|----------|--|------------------------------|-----------|------------|----------------|
|          |  | Miền Tây                     | Sóc Trăng | Tổng cộng  |                |
| <b>A</b> | <b>Theo trình độ lao động</b>              | <b>104</b>                   | <b>96</b> | <b>200</b> | <b>100,00%</b> |
| 1        | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 71                           | 58        | 129        | 64,50%         |
| 2        | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 21                           | 31        | 52         | 26,00%         |
| 3        | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật               | 4                            | 2         | 6          | 3,00%          |
| 4        | Lao động phổ thông                         | 8                            | 5         | 13         | 6,50%          |
| <b>B</b> | <b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>                  | <b>104</b>                   | <b>96</b> | <b>200</b> | <b>100,00%</b> |
| 1        | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm               | -                            | -         | -          | -              |
| 2        | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm           | 4                            | 3         | 7          | 3,50%          |
| 3        | Hợp đồng không xác định thời hạn           | 100                          | 93        | 193        | 96,50%         |
| <b>C</b> | <b>Theo giới tính</b>                      | <b>104</b>                   | <b>96</b> | <b>200</b> | <b>100,00%</b> |
| 1        | Nam  | 91                           | 77        | 168        | 84,00%         |
| 2        | Nữ   | 13                           | 19        | 32         | 16,00%         |

| Hoạt động đào tạo người lao động năm 2022 |  |                                 |           |            |   |
|---|--|---------------------------------|-----------|------------|---|
| STT                                       | Phân loại                                  | Số lượng CBCNV tham gia đào tạo |           |            | Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/ Người) |
|   |  | Miền Tây                        | Sóc Trăng | Tổng cộng  |   |
| 1   | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 71                              | 58        | 129        | 33  |
| 2   | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 21                              | 31        | 52         | 31  |
| 3   | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật               | 4                               | 2         | 6          | 21  |
| 4   | Lao động phổ thông                         | 8                               | 5         | 13         | 23  |
| <b>Tổng cộng</b>                          |  | <b>104</b>                      | <b>96</b> | <b>200</b> | <b>109</b>                                  |

## MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

Mức thu nhập bình quân người lao động năm 2022: 243,76 triệu đồng/người





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

- » Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, đồng thời tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên.
- » Thực hiện đúng nội dung của thỏa ước lao động tập thể, chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về lao động tiền lương, bảo hiểm sức khỏe.
- » Chính sách trả lương, thưởng, phúc lợi rõ ràng, minh bạch và nhất quán theo chủ trương SABECO.
- » Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề chuyên môn (kỹ thuật công nghệ, thiết bị, công nghệ thông tin), bổ sung kiến thức về an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ định kỳ.
- » Ghi nhận và khen thưởng các đóng góp, sáng kiến, giải pháp hữu ích của người lao động;
- » Đảm bảo các chế độ phúc lợi như nghỉ mát, team building, phong trào thể thao, giải trí.

### KẾ HOẠCH NĂM 2023



Tiếp tục duy trì và đảm bảo thu nhập cho người lao động, đặc biệt chú trọng cam kết liên quan đến các chính sách lương, thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho nhân viên của Công ty



Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề cho người lao động;



Hoàn thiện và áp dụng cấu trúc nhân sự, chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo chuẩn chung của SABECO



Tiếp tục duy trì môi trường làm việc năng động, sáng tạo và thân thiện, đủ sức giữ chân người tài





## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

#### Các khoản đầu tư tài sản cố định

Thực hiện triển khai các hạng mục đầu tư theo danh mục mà ĐHCĐ năm 2022 đã thông qua, trước khi triển khai, Ban lãnh đạo đã chủ động xem xét và đánh giá lại một cách cẩn trọng, ưu tiên các hạng mục thật sự cần thiết nhằm tăng hiệu quả sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng. Theo đó, tổng giá trị giải ngân các hạng mục đầu tư năm 2022 là 15,4 tỷ đồng.

#### Các khoản đầu tư tài chính

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư tài chính mới.

#### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn vào CTCP Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô 1.891.807 cổ phiếu tương ứng với 9,46% quyền sở hữu và quyền biểu quyết.





## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

#### Công ty con: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

- Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty: 100% vốn điều lệ

#### Tình hình hoạt động của Công ty con năm 2022:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu  | TH 2021 | TH 2022 | % Tăng/Giảm  |
|-----|---|---------|---------|--------------|
| 1   | Tổng tài sản                                      | 367.796 | 383.306 | 4,22%        |
| 2   | Doanh thu thuần                                   | 575.913 | 576.467 | 0,10%        |
| 3   | Giá vốn hàng bán                                  | 484.187 | 508.922 | 5,11%        |
| 4   | Doanh thu hoạt động tài chính                     | 1.623   | 3.030   | 86,69%       |
| 5   | Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 7.337   | 7.556   | 2,98%        |
| 6   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 86.012  | 62.896  | (26,88%)     |
| 7   | Lợi nhuận khác                                    | 12      | (1.707) | (14.326,58%) |
| 8   | Lợi nhuận trước thuế                              | 86.025  | 61.188  | (28,87%)     |
| 9   | Lợi nhuận sau thuế                                | 81.630  | 57.910  | (29,06%)     |

Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng đạt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022. Tuy nhiên do tình hình giá vật tư đầu vào tăng cao (malt, thùng, lon) nên lợi nhuận 2022 chỉ đạt 71% so với thực hiện 2021.

Tính đến 31/12/2022, tình hình tài chính ổn định, Công ty con không có nợ vay ngắn hạn, vay dài hạn.

#### Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

- Địa chỉ: Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát
- Vốn điều lệ: 120.120.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty 20% vốn điều lệ, tương ứng 2.402.400 cổ phiếu

#### Tình hình hoạt động của Công ty liên kết năm 2022:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu  | TH 2021 | TH 2022 | % Tăng/Giảm |
|-----|---|---------|---------|-------------|
| 1   | Tổng tài sản                                      | 286.841 | 269.078 | (6,19%)     |
| 2   | Doanh thu thuần                                   | 165.397 | 170.486 | 3,08%       |
| 3   | Giá vốn hàng bán                                  | 150.596 | 146.020 | (3,04%)     |
| 4   | Doanh thu hoạt động tài chính                     | 30      | 249     | 729,91%     |
| 5   | Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 13.746  | 14.063  | 2,30%       |
| 6   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 1.085   | 8.687   | 700,65%     |
| 7   | Lợi nhuận khác                                    | 40      | 59      | 48,12%      |
| 8   | Lợi nhuận trước thuế                              | 1.125   | 8.746   | 677,44%     |
| 9   | Lợi nhuận sau thuế                                | 208     | 6.987   | 3.258,91%   |

Năm 2022, tình hình kinh doanh của Công ty liên kết đạt tốt hơn năm 2021 do doanh thu tăng 3,08% đồng thời tiết giảm được chi phí, lợi nhuận sau thuế đạt gần 7 tỷ đồng, kết quả đạt kế hoạch ĐHĐCĐ giao và cao hơn so với năm 2021.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                          | TH 2021 | TH 2022 | % Tăng/Giảm |
|-----|-----------------------------------|---------|---------|-------------|
| 1   | Tổng tài sản                      | 859.292 | 848.342 | (1,27%)     |
| 2   | Doanh thu thuần                   | 780.067 | 745.413 | (4,44%)     |
| 3   | Giá vốn hàng bán                  | 668.271 | 663.644 | (0,69%)     |
| 4   | Lợi nhuận gộp                     | 111.796 | 81.768  | (26,86%)    |
| 5   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 106.788 | 78.467  | (26,52%)    |
| 6   | Lợi nhuận khác                    | (125)   | (1.071) | 756,80%     |
| 7   | Lợi nhuận trước thuế              | 106.664 | 77.396  | (27,44%)    |
| 8   | Lợi nhuận sau thuế                | 97.657  | 71.877  | (26,40%)    |
| 9   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)   | 6.383   | 4.581   | (28,23%)    |



### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

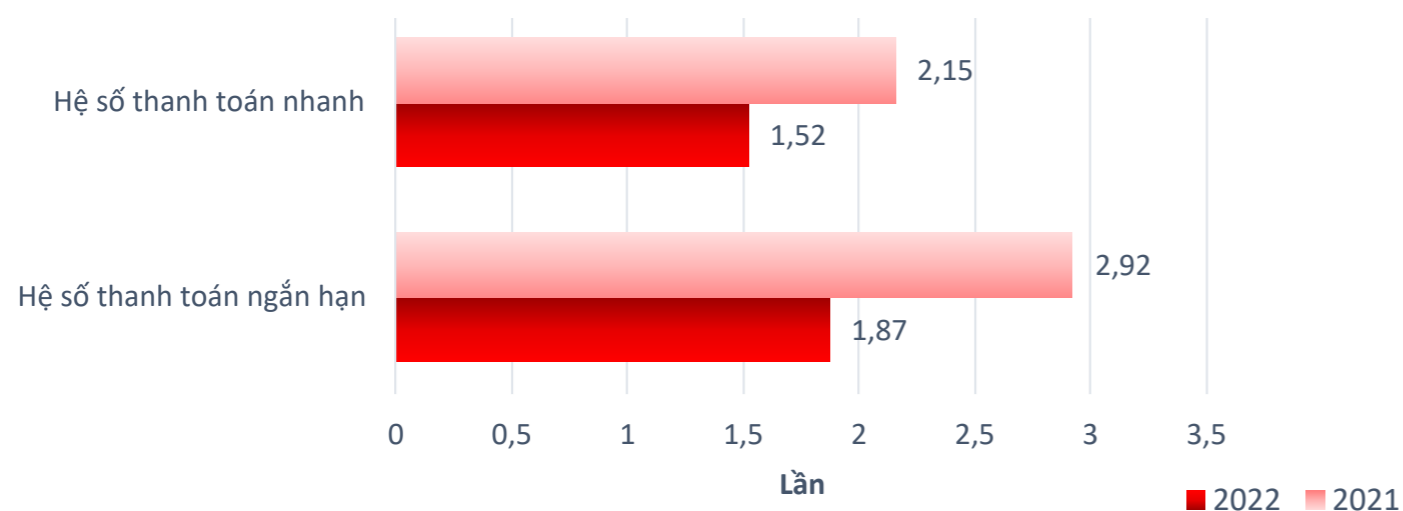
ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu   | ĐVT  | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                           |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn  | Lần  | 1,87     | 2,92     |
| Hệ số thanh toán nhanh   | Lần  | 1,52     | 2,15     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                    |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản  | %    | 19,03    | 15,43    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  | %    | 23,50    | 18,25    |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                            |      |          |          |
| Vòng quay khoản phải trả   | Vòng | 23,56    | 25,95    |
| Vòng quay khoản phải thu   | Vòng | 60,09    | 47,09    |
| Vòng quay hàng tồn kho   | Vòng | 11,36    | 10,01    |
| Vòng quay tổng tài sản   | Vòng | 0,92     | 0,87     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                             |      |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)                   | %    | 12,52    | 9,64     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)          | %    | 14,28    | 10,17    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)            | %    | 11,51    | 8,42     |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần | %    | 13,69    | 10,53    |



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

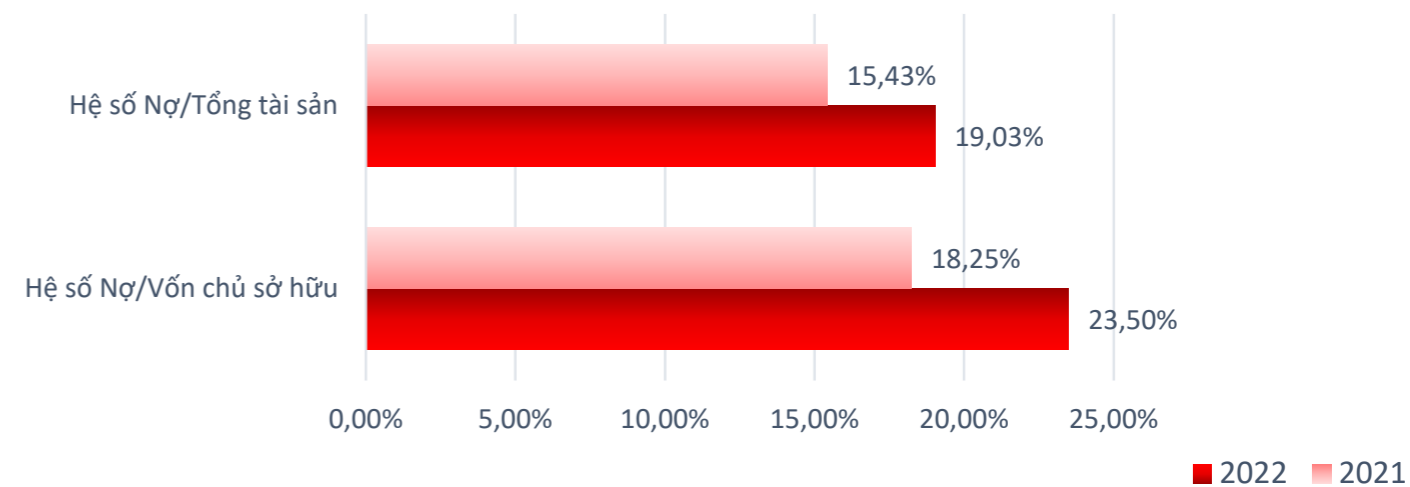
### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Các hệ số khả năng thanh toán luôn được Công ty duy trì ở mức cao, cho thấy giá trị tài sản ngắn hạn cao để đảm bảo thanh toán các khoản nợ hiện tại mà Công ty phải thanh toán.

Tại thời điểm cuối năm 2022, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 2,92 lần, tăng 1,05 lần so với cùng kỳ. Sau khi loại bỏ hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác, hệ số thanh toán nhanh ghi nhận mức tăng 0,63 lần, đạt 2,15 lần. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng trong năm nguyên nhân là do sự biến động tăng trong cơ cấu tài sản ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng hơn 33 tỷ đồng), các khoản phải thu ngắn hạn (tăng gần 13 tỷ đồng), hàng tồn kho (tăng hơn 40 tỷ đồng, chủ yếu đến từ nguyên vật liệu tồn kho và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang).

### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Trong năm 2022, Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu đều ghi nhận giảm so với năm 2021, lần lượt đạt 15,43% và 18,25%. Nguyên nhân là do nợ ngắn hạn của Công ty giảm hơn 72 tỷ đồng chiếm phần lớn trong sự biến động giảm của nợ phải trả năm 2022, trong khi đó, tổng tài sản năm 2022 ghi nhận mức giảm gần 11 tỷ đồng đa phần là do tài sản dài hạn giảm. Ngoài ra, vốn chủ sở hữu tăng hơn 21 tỷ đồng chủ yếu đến từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dẫn đến hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm 5,25%.

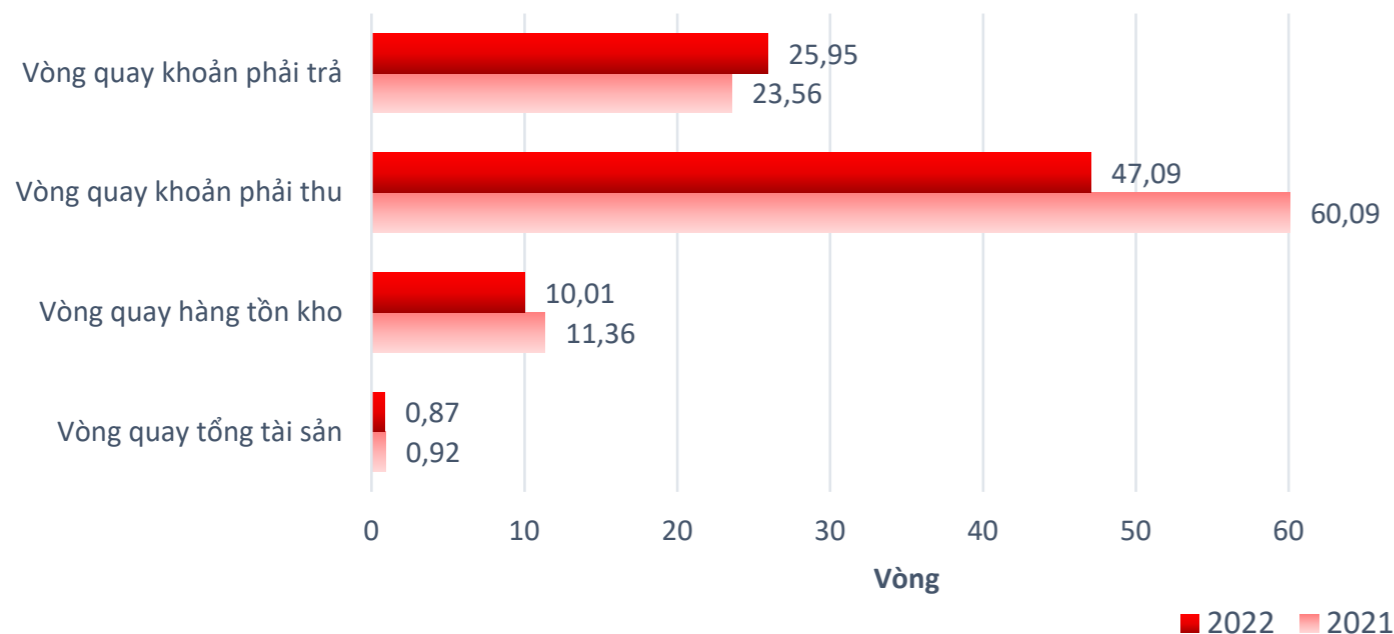
Như vậy, với sự giảm của các chỉ tiêu về cơ cấu vốn năm 2022 so với năm 2021 đã cho thấy Công ty đang giảm thiểu nợ vay hướng đến cơ cấu vốn an toàn hơn, nhằm mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, với cơ cấu vốn như hiện tại, rủi ro về tài chính của Công ty cũng được giảm thiểu.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Nhìn chung, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của công ty trong năm 2022 so với năm 2021 đã có những biến động, cụ thể:

**Vòng quay khoản phải trả**

Số vòng quay khoản phải trả tăng 2,39 vòng đạt 25,95 vòng, điều này cho thấy Công ty thanh toán tiền cho nhà cung cấp nhanh chóng hơn.

**Vòng quay khoản phải thu**

Vòng quay khoản phải thu giảm từ 60,09 vòng xuống còn 47,09 vòng cho thấy tốc độ thu hồi khoản phải thu khách hàng có xu hướng chậm hơn năm trước. Tại thời điểm cuối năm 2022, phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty là 22,34 tỷ đồng chiếm 2,63% doanh thu thuần.

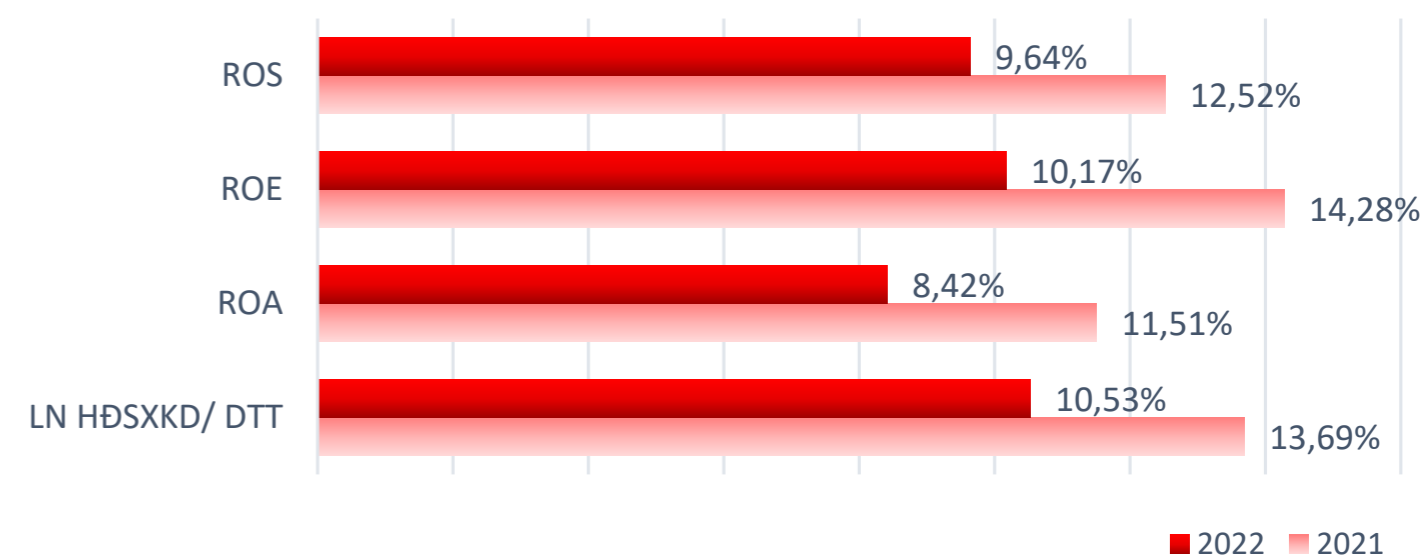
**Vòng quay hàng tồn kho**

Để giảm thiểu tác động do tăng giá nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng đến lợi nhuận, Công ty đã chủ động tăng dự trữ hàng tồn kho. Vì vậy, vòng quay hàng tồn kho trong năm đạt 10,01 vòng, giảm 1,34 vòng so với mức 11,36 vòng của năm 2021.

**Vòng quay tổng tài sản**

Vòng quay tổng tài sản năm nay ghi nhận mức 0,87 vòng, giảm 0,05 vòng so với cùng kỳ năm trước, mặc dù giảm nhưng vẫn cho thấy rằng Công ty đang duy trì cơ cấu quản lý tài sản hiệu quả để duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.

## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Năm 2022, doanh thu của Công ty giảm khoảng 4,44% so với năm 2021, đồng thời lợi nhuận sau thuế giảm 26,40% và đạt 98,99% kế hoạch năm 2022. Trong khi đó, tổng tài sản ghi nhận mức giảm 1,27% và vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm ghi nhận mức tăng 3,11% so với cùng kỳ năm trước. Chính vì thế, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm so với năm 2021, cụ thể hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) giảm 2,88%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) giảm 4,11%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) giảm 3,09% và hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần (LN HDSXKD/ DTT) giảm 3,16%.

Trong thời gian tới, kỳ vọng tình hình kinh doanh sẽ tốt hơn do được hưởng lợi từ các chính sách quảng bá, khuyến mãi.. tại thị trường khu vực, từ đó kích thích người tiêu dùng làm tăng sản lượng tiêu thụ. Điều này sẽ giúp Công ty cải thiện các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong tương lai.





# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## CỔ PHẦN



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.500.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.500.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Cổ đông  | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|--------------------|-----------|
| 1   | Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn | 7.395.000          | 51,00%    |
| 2   | AFC VF LIMITED   | 972.800            | 6,71%     |



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

Danh sách cổ đông tính đến ngày 17/03/2023

| STT                       | Loại cổ đông  | Số cổ phần        | Giá trị (triệu đồng)   | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---------------------------|---|-------------------|------------------------|------------------|
| <b>I</b>                  | <b>Cơ cấu tỷ lệ sở hữu</b>                                      | <b>14.500.000</b> | <b>145.000.000.000</b> | <b>100,00%</b>   |
| 1                         | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết) | 8.367.800         | 83.678.000.000         | 57,71%           |
| 2                         | Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết            | 6.132.200         | 61.322.000.000         | 42,29%           |
| <b>II</b>                 | <b>Cổ đông Nhà nước</b>   | -                 | -                      | <b>0,00%</b>     |
| <b>III</b>                | <b>Cổ đông trong nước</b>                                       | <b>11.624.610</b> | <b>116.246.100.000</b> | <b>80,17%</b>    |
| 1                         | Cá nhân   | 4.229.610         | 42.296.100.000         | 29,17%           |
| 2                         | Tổ chức   | 7.395.000         | 73.950.000.000         | 51,00%           |
| <b>IV</b>                 | <b>Cổ đông nước ngoài</b>                                       | <b>2.875.390</b>  | <b>28.753.900.000</b>  | <b>19,83%</b>    |
| 1                         | Cá nhân   | 1.123.120         | 11.231.200.000         | 7,75%            |
| 2                         | Tổ chức   | 1.752.270         | 17.522.700.000         | 12,08%           |
| <b>Tổng cộng (II+III)</b> |   | <b>14.500.000</b> | <b>145.000.000.000</b> | <b>100,00%</b>   |

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ khi thành lập đến nay, Công ty không thực hiện thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không phát sinh

**Các chứng khoán khác:** Không phát sinh





# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## VỀ MÔI TRƯỜNG

### Giảm khí thải ra môi trường

Việc sử dụng dây chuyền với công suất lớn để phục vụ cho hoạt động sản xuất và quá trình ủ men bia sinh ra nhiều khí thải như CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>,...

Công ty đã tiến hành mua thiết bị lưu trữ và tái sử dụng CO<sub>2</sub>, sửa chữa hệ thống máy lạnh, đầu tư các thiết bị hiện đại để thu hồi nhiệt cho dàn bốc hơi CO<sub>2</sub> trong sản xuất để giảm thiểu tối đa khí thải ra môi trường.

### Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, ngoài việc giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, còn là bảo vệ môi trường, đó là mục tiêu mà Công ty luôn hướng đến. Việc đưa vào sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại 2 nhà máy, công suất khoảng 1Mw/hệ thống từ tháng 01/2022, giúp giảm 24% lượng điện mua ngoài.

- » Tổng lượng điện sử dụng năm 2022: 8.457.573 kWh, trong đó điện mua 6.456.036 kWh, điện mặt trời 2.001.537 kWh.
- » Hoạt động cải tạo hệ thống tiết kiệm năng lượng, giảm lượng hơi bão hòa sử dụng khoảng 6,5%.



### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng trong năm: Malt: 9.000 tấn; Gạo: 3.021 tấn; Houblon: 4.181 kga; Nắp chai: 64,439 triệu cái; Lon: 173,785 triệu cái; Thùng carton: 7,258 triệu cái.

Nguyên vật liệu đầu vào luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ, đạt tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định của SABECO và tiêu chuẩn Việt Nam.

Các phòng thí nghiệm của Công ty được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại, vận hành theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017 và có thể phân tích các chỉ tiêu theo yêu cầu kỹ thuật của nguyên vật liệu đầu vào.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp cải tiến, tăng cường kiểm tra và kiểm soát chặt quá trình sản xuất nhằm giảm lượng tiêu thụ nguyên vật liệu (tính trên đơn vị sản phẩm). Các hiệu quả đã đạt được trong năm 2022:

- » Tối ưu hóa các thông số vận hành của nhà máy để tăng hiệu suất thu hồi, thực hiện nhiều giải pháp cải tiến để giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hiệu quả đạt được: tiết kiệm 2,8 tỷ đồng chi phí vật tư nguyên liệu so với thực hiện năm 2021.
- » Trong năm 2022, giá dầu, nguyên vật liệu, bao bì đầu vào tăng mạnh, để giảm thiểu tác động đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện nghiêm ngặt việc tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng mức dự trữ hợp lý cùng với việc thực hiện chính sách mua hàng tập trung từ SABECO giúp nguồn cung ổn định hơn.
- » 100% vỏ chai, kết dư hỏng đều được thu gom và cung cấp lại cho các đơn vị tái sản xuất bao bì; 100% lượng hèm bia được chuyển cho đơn vị có đủ chức năng xử lý làm thức ăn gia súc, men thải cũng được đơn vị thu gom xử lý triệt để.

### Tiêu thụ nước

Hiện nay, Công ty sử dụng 100% lượng nước từ nguồn nước cấp của các đơn vị cấp nước trong thành phố, không khai thác và sử dụng nước ngầm. Trong sản xuất và sinh hoạt, Công ty đã và đang áp dụng nhiều sáng kiến, giải pháp hữu ích nhằm tiết giảm và tái sử dụng hiệu quả nguồn nước như:

- » Tái sử dụng nước RO để dùng trong sinh hoạt, vệ sinh nhà xưởng;
- » Thực hiện lắp đặt hệ thống thu hồi nước mưa để sử dụng;
- » Duy trì việc tái sử dụng nước thải sau xử lý (đạt loại A theo tiêu chuẩn môi trường) để tưới cây xanh, tái sử dụng nước nóng thanh trùng để sử dụng cho hệ thống CIP;

Với việc áp dụng nhiều giải pháp như trên đã giảm lượng nước tiêu thụ (tính trên đơn vị sản phẩm) so với năm 2021. Tổng lượng nước mua ngoài để sử dụng năm 2022 là: 325.328 m<sup>3</sup>.

### Đối với nước thải:

Nhà máy tại Cần Thơ: được xử lý đạt tiêu chuẩn loại A trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp;

Nhà máy tại Sóc Trăng: được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- » Hoạt động Công ty luôn đề cao pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc việc xử lý chất thải đúng quy định, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2022, Công ty không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường;
- » Cả 2 nhà máy đều được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định và có giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015
- » Toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ sản xuất kinh doanh đều được lưu giữ đúng nơi quy định tại các kho chứa và được vận chuyển, xử lý bởi các đơn vị có đủ chức năng.





# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## VỀ XÃ HỘI

### Sức khỏe và an toàn lao động

Công ty luôn trân trọng nguồn nhân lực vì đó là tài sản đặc biệt, việc thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với người lao động. 100% người lao động đều được kiểm tra sức khỏe định kỳ, kiểm tra phát hiện bệnh nghề nghiệp và trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đồng thời được đào tạo, huấn luyện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động định kỳ. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia mua bảo hiểm sức khỏe cao cấp cho người lao động

Trong năm qua, Công ty không xảy ra tai nạn lao động.

Trong suốt hoạt động của mình, Công ty luôn đặt yếu tố con người làm trọng tâm bởi vì chúng tôi tin rằng con người đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng những giá trị đa dạng và sự cống hiến của tập thể người lao động đối với sự thành công của đơn vị. Công ty luôn duy trì một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và công bằng, tăng cường sự gắn kết của nhân viên.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Để xây dựng được một thương hiệu bia vững mạnh, được nhiều người biết đến ngoài việc chú trọng về hình thức bao bì, chất lượng, giá cả thì trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương cũng được xem như trách nhiệm của thương hiệu đối với người tiêu dùng. Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp là dựa trên nền tảng của một cộng đồng ổn định và thịnh vượng. Chúng tôi hiểu rằng sự hiện diện của công ty tạo nên những ảnh hưởng nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng. Nhận thức được điều này, Công ty luôn hoàn thành trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua nhiều hoạt động thiết thực như:

- » Sự thân thiện với môi trường: Nhà máy luôn đầu tư thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hiệu suất cao; duy trì cảnh quan nhiều cây xanh, sạch, đẹp.
- » Hoạt động của Công ty tạo công ăn việc làm cho 200 lao động định biên và hàng trăm lao động phổ thông tại địa phương với thu nhập ổn định, góp phần vào công tác an sinh xã hội.
- » Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước theo luật định.
- » Duy trì các hoạt động hỗ trợ cộng đồng tại địa phương theo phương châm “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”. Trong năm qua, các hoạt động công tác xã hội mà Công ty đã thực hiện như:
  - Hỗ trợ phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng tại Sóc Trăng;
  - Xây dựng mái ấm Bia Sài Gòn cho người có hoàn cảnh khó khăn;
  - Đồng hành cùng chương trình “Thắp sáng đường quê” của SABECO tại khu vực Miền Tây. Đây là chương trình tài trợ các tuyến đường đèn năng lượng mặt trời cho một số khu vực nông thôn, từ đó góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tái tạo, mang lại môi trường bền vững tại các khu vực nông thôn.
- » Thường xuyên đóng góp cho các chương trình tại địa phương khác như: tết cho người nghèo, trung thu cho trẻ em, quỹ phòng chống lụt bão, quỹ học bổng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn...



**ĐI LÊN  
CÙNG NHAU**

**#STRONGERTOGETHER #DILENCUNGNHAU**



**3**

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- 52 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 56 Tình hình tài chính
- 60 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 60 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 60 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 61 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2022 là một năm biến động của ngành bia nói chung và của Công ty nói riêng, tuy có sự phục hồi so với năm 2021 song tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng gặp nhiều khó khăn khi đại dịch Covid 19 kéo dài, áp lực lạm phát gia tăng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Chính vì thế, Công ty đã chủ động thực hiện kết hợp nhiều phương thức khác nhau như kiểm soát chặt chẽ ngân sách, định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí, tăng dự trữ hàng tồn kho ở mức hợp lý nhằm hạn chế đà tăng giá của hàng hóa đầu vào.



### Thuận lợi

- Tình hình kinh tế dần phục hồi sau đại dịch Covid-19.
- Sự ủng hộ của sở, ban, ngành tại địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nhận được hỗ trợ từ phía SABECO.
- SABECO tăng giá mua bia từ các nhà máy để bù đắp phần nào ảnh hưởng của sự tăng giá nguyên vật liệu.
- Sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực cải tiến của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

### Khó khăn

- Nhu cầu thị trường có xu hướng chuyển từ tiêu thụ bia chai sang bia lon. Do đó, Nhà máy tại Cần Thơ gặp khó khăn về sản lượng khi chỉ cung ứng sản phẩm bia chai.
- Do ảnh hưởng bởi tình hình địa chính trị thế giới, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, lạm phát, tăng giá đầu ảnh hưởng làm cho giá nguyên vật liệu đầu vào và bao bì tăng cao (đặc biệt là malt, vỏ lon nhôm...). Đây là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022.



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2022

| STT | Chỉ tiêu           | Đơn vị     | TH năm 2021 | KH năm 2022 | TH năm 2022 | TH 2022/ TH 2021 | TH 2022/ KH 2022 |
|-----|--------------------|------------|-------------|-------------|-------------|------------------|------------------|
| 1   | Tổng doanh thu     | Triệu đồng | 794.646     | 884.010     | 762.745     | 95,99%           | 86,28%           |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 97.657      | 72.609      | 71.877      | 73,60%           | 98,99%           |
| 3   | Cổ tức             | %          | 30          | 30          | 30          | 100%             | 100%             |

Nhìn chung, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 tuy chưa đạt được như kỳ vọng, song vẫn cho thấy sự ổn định về giá trị và tiềm năng gia tăng doanh thu vẫn còn rất khả quan khi nhu cầu tiêu thụ đang tăng trưởng mạnh trở lại.

Để hạn chế tác động của tình trạng giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, trong năm qua, Ban điều hành đã tập trung vào quản lý tiêu thụ nguyên vật liệu và năng lượng, áp dụng các giải pháp cải tiến để hợp lý hóa quy trình sản xuất. Công tác mua hàng cũng được xem xét để đảm bảo giá cả cạnh tranh và dự trữ đủ phục vụ cho sản xuất, từ đó giúp giảm giá vốn và tăng lợi nhuận.

Ngoài ra, do sản lượng được phân bổ không đạt kế hoạch nên doanh thu toàn Công ty chỉ đạt 86,28% kế hoạch ĐHCĐ giao, nhưng với nỗ lực sản xuất, lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 98,99% kế hoạch đề ra. Với kết quả này, Công ty vẫn thực hiện chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 30% (tương đương kế hoạch), trong đó đã tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền với tỷ lệ 20% vào ngày 30/09/2022.





# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

### Về sản xuất và giao hàng

Hoạt động sản xuất của 2 nhà máy trong năm 2022 khá linh động, phối hợp tốt với các đơn vị thương mại trong công tác giao hàng, đảm bảo tối đa hóa sản lượng theo kế hoạch S&OP. Hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm tuân thủ quy trình công nghệ, chất lượng sản phẩm ổn định, đạt tiêu chuẩn SABECO và an toàn vệ sinh thực phẩm. Sắp xếp lịch sản xuất phù hợp theo kế hoạch được giao, công tác quản lý tiêu hao sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng trong sản xuất được đặt lên hàng đầu. Việc tiết kiệm tiêu hao nguyên vật liệu giúp Công ty tiết kiệm chi phí so với năm trước.

### Về kế toán – tài chính

Lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Quản trị tốt dòng tiền, hạn chế vay nợ để giảm chi phí tài chính... Đến 31/12/2022, toàn Công ty không có nợ vay ngắn hạn/dài hạn.

Chi cổ tức cho cổ đông: Hoàn thành chi quyết toán cổ tức đợt cuối năm 2021 với tỷ lệ 15% (tổng tỷ lệ chi năm 2021 là 30%) vào tháng 6/2022. Đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 với tỷ lệ 20% vào tháng 9/2022 (kế hoạch cổ tức là 30%).

### Về đầu tư

Công ty ưu tiên thực hiện các hạng mục thật sự cần thiết nhằm tăng hiệu quả sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, chủ động đánh giá lại các hạng mục dự kiến và đôn đốc hoàn thành, đảm bảo đúng tiến độ thực hiện.

### Về cơ cấu tổ chức, nhân sự

Tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động thực hiện theo quy định của Công ty, định hướng chung của SABECO và đúng pháp luật hiện hành.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

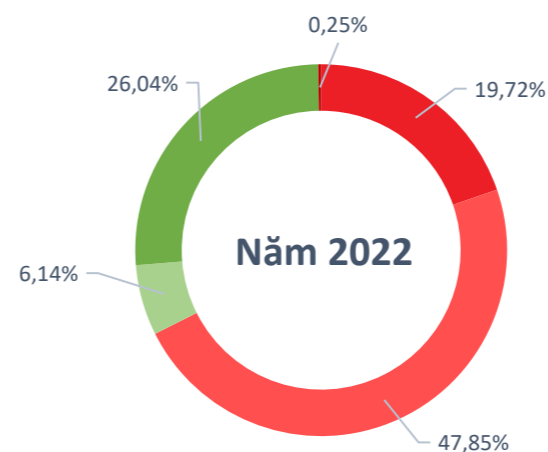
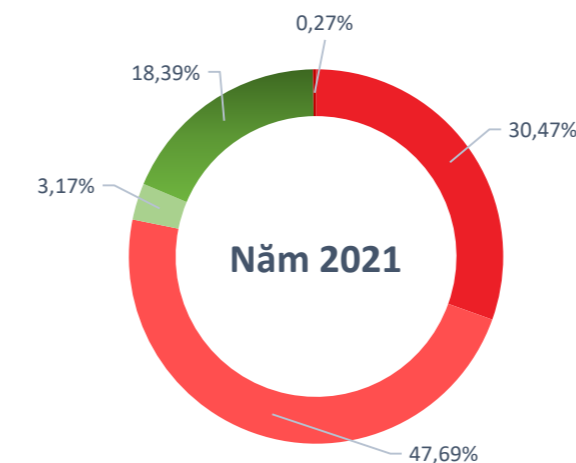
ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                           | Năm 2021       |                | Năm 2022       |                | Tăng/ Giảm      |                 |
|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|
|                                    | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị         | %Tăng/<br>Giảm  |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>294.385</b> | <b>34,26%</b>  | <b>363.958</b> | <b>42,90%</b>  | <b>69.573</b>   | <b>23,63%</b>   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 89.711         | 30,47%         | 71.787         | 19,72%         | (17.924)        | (19,98%)        |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 140.400        | 47,69%         | 174.149        | 47,85%         | 33.749          | 24,04%          |
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 9.323          | 3,17%          | 22.339         | 6,14%          | 13.016          | 139,61%         |
| Hàng tồn kho                       | 54.145         | 18,39%         | 94.761         | 26,04%         | 40.616          | 75,01%          |
| Tài sản ngắn hạn khác              | 806            | 0,27%          | 923            | 0,25%          | 117             | 14,51%          |
| <b>Tài sản dài hạn</b>             | <b>564.907</b> | <b>65,74%</b>  | <b>484.384</b> | <b>57,10%</b>  | <b>(80.523)</b> | <b>(14,25%)</b> |
| Tài sản cố định                    | 443.505        | 78,51%         | 405.591        | 83,73%         | 37.914)         | (8,55%)         |
| Bất động sản đầu tư                | 3.650          | 0,65%          | 2.962          | 0,61%          | (688)           | (18,86%)        |
| Tài sản dở dang dài hạn            | 13.416         | 2,37%          | 1.079          | 0,22%          | (12.337)        | (91,95%)        |
| Đầu tư tài chính dài hạn           | 84.065         | 14,88%         | 55.122         | 11,38%         | (28.943)        | (34,43%)        |
| Tài sản dài hạn khác               | 20.271         | 3,59%          | 19.630         | 4,05%          | (641)           | (3,16%)         |
| <b>Tổng tài sản</b>                | <b>859.292</b> | <b>100,00%</b> | <b>848.342</b> | <b>100,00%</b> | <b>(10.950)</b> | <b>(1,27%)</b>  |

Năm 2022, Tổng tài sản của Công ty giảm gần 11 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 1,27% so với năm trước. Bên cạnh đó, Công ty cũng có sự thay đổi trong tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Cụ thể, tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản tăng 12,04% lên mức 42,90% trong năm 2022. Giải thích cho sự thay đổi này là do tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty điều chỉnh ghi nhận các khoản đầu tư tiền gửi dài hạn sang đầu tư ngắn hạn (do đã sắp đến hạn) theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán.

## Tài sản ngắn hạn

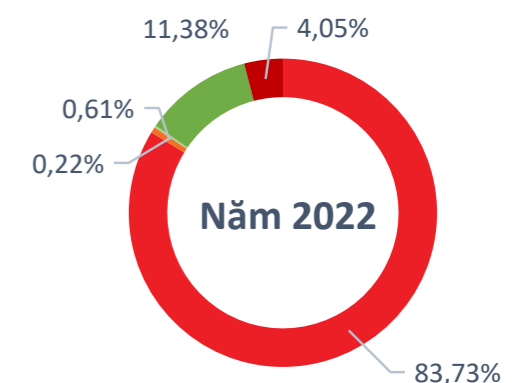
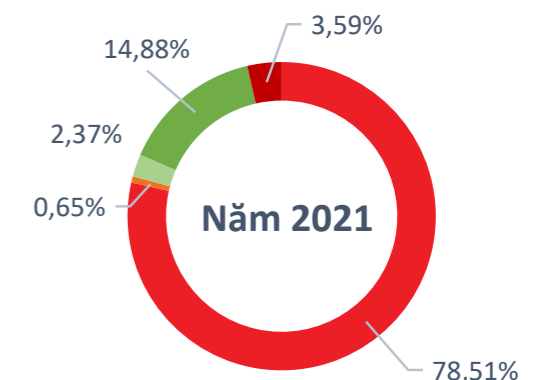
Đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho là các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2022, đạt lần lượt 174,15 tỷ đồng và 94,76 tỷ đồng. Hai khoản mục này có sự gia tăng đáng kể, với mức tăng lần lượt là 24,04% và 75,01% so với năm 2021.



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Tài sản ngắn hạn khác
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Hàng tồn kho

## Tài sản dài hạn

Cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty cơ bản vẫn được giữ nguyên khi tài sản cố định chiếm phần lớn trong cơ cấu và tài sản dài hạn chiếm hơn 57% trên tổng tài sản năm 2022, giảm khoảng 14,25% so với cùng kỳ, chủ yếu do giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định tăng qua các năm, các tài sản đã hết giá trị khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng cho sản xuất kinh doanh. Đầu tư dài hạn bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn giảm gần 29 tỷ đồng là do tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty điều chỉnh ghi nhận các khoản đầu tư tiền gửi dài hạn sang đầu tư ngắn hạn (do đã sắp đến hạn) theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán.



- Tài sản cố định
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Bất động sản đầu tư
- Tài sản dài hạn khác
- Tài sản dở dang dài hạn



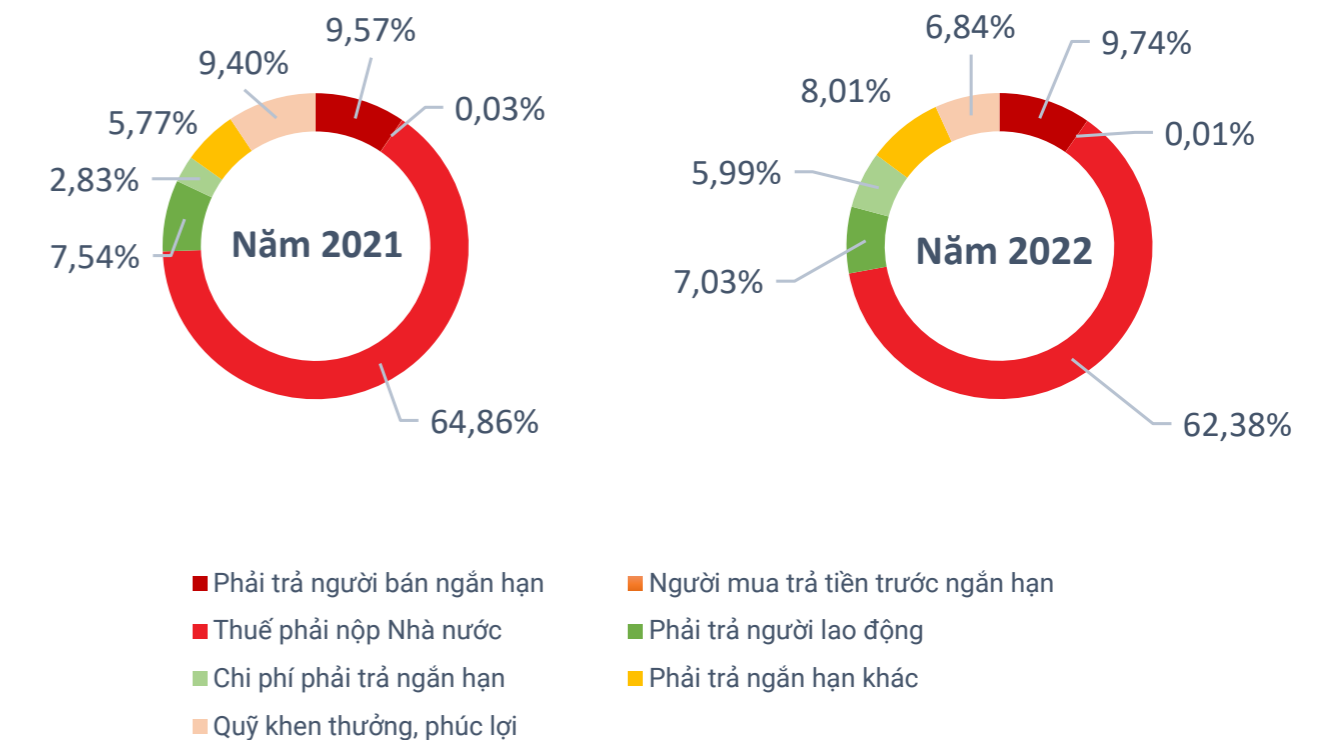
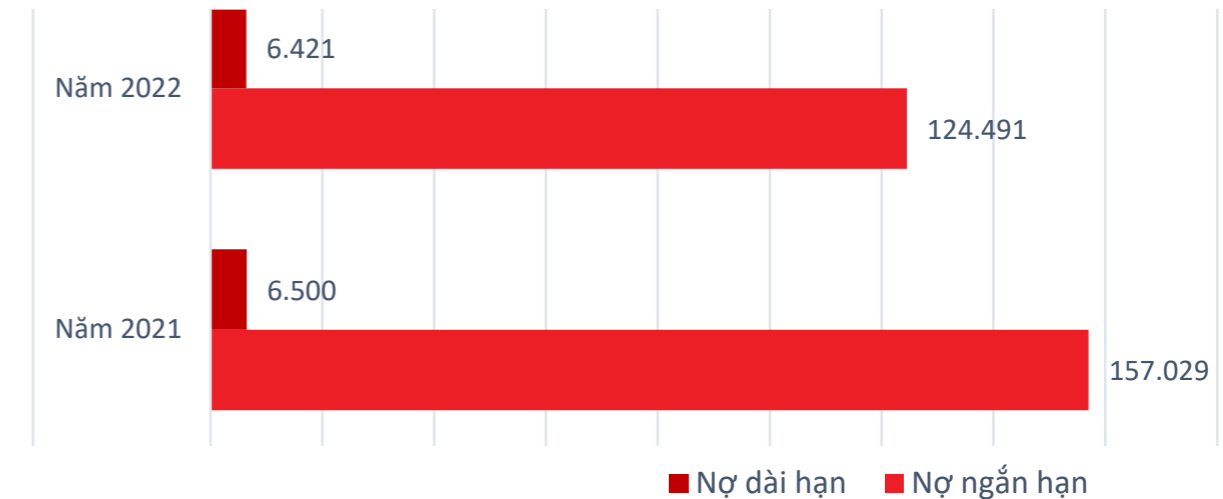
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2021       |                | Năm 2022       |                | Tăng/ Giảm      |                 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|
|                                   | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị         | %Tăng/ Giảm     |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                | <b>157.029</b> | <b>96,03%</b>  | <b>124.491</b> | <b>95,10%</b>  | <b>(32.538)</b> | <b>(20,72%)</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn       | 15.023         | 9,19%          | 12.119         | 9,26%          | (2.904)         | (19,33%)        |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 43             | 0,03%          | 16             | 0,01%          | (27)            | (63,24%)        |
| Thuế phải nộp Nhà nước            | 101.854        | 62,28%         | 77.654         | 59,32%         | (24.200)        | (23,76%)        |
| Phải trả người lao động           | 11.845         | 7,24%          | 8.746          | 6,68%          | (3.099)         | (26,16%)        |
| Chi phí phải trả ngắn hạn         | 4.447          | 2,72%          | 7.462          | 5,70%          | 3.016           | 67,82%          |
| Phải trả ngắn hạn khác            | 9.063          | 5,54%          | 9.976          | 7,62%          | 913             | 10,08%          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 14.755         | 9,02%          | 8.518          | 6,51%          | (6.237)         | (42,27%)        |
| <b>Nợ dài hạn</b>                 | <b>6.500</b>   | <b>3,97%</b>   | <b>6.421</b>   | <b>4,90%</b>   | <b>(79)</b>     | <b>(1,22%)</b>  |
| Phải trả dài hạn khác             | 70             | 0,04%          | 52             | 0,04%          | (18)            | (25,95%)        |
| Dự phòng phải trả dài hạn         | 6.430          | 3,93%          | 6.370          | 4,87%          | (61)            | (0,95%)         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>           | <b>163.529</b> | <b>100,00%</b> | <b>130.912</b> | <b>100,00%</b> | <b>(32.617)</b> | <b>(19,95%)</b> |

Năm 2022, tổng nợ phải trả của Công ty là 130,91 tỷ đồng, giảm 19,95% so với năm 2021. Về cơ cấu nợ vẫn không có quá nhiều thay đổi so với các năm trước khi tỷ trọng nợ ngắn hạn vẫn chiếm 95,10% tổng nợ phải trả của cả Công ty.



Nợ ngắn hạn giảm 20,72%, tương đương với mức giảm 32,54 tỷ đồng. Mức giảm này chủ yếu là do khoản thuế tiêu thụ đặc biệt giảm hơn 24 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, nợ dài hạn của Công ty cũng có phần giảm nhẹ nhưng không đáng kể. Nhìn chung, Công ty vẫn đang duy trì tốt cấu trúc vốn khi vẫn đủ tài sản ngắn hạn để đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ ngắn hạn.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước do sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                         | TH 2022 | KH 2023   | %KH 2023/TH 2022 |
|-----|----------------------------------|---------|-----------|------------------|
| 1   | Tổng doanh thu                   | 762.745 | 1.049.327 | 138%             |
| 2   | Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ  | 316.718 | 337.457   | 107%             |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế               | 71.877  | 63.150    | 88%              |
| 4   | Phân phối lợi nhuận, trong đó:   |         |           |                  |
|     | Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi   | 7.302   | 5.840     | 80%              |
|     | Trích Quỹ Công tác xã hội        | 337     | 281       | 83%              |
|     | Chia cổ tức                      | 43.500  | 43.500    | 100%             |
|     | Tỷ lệ chia cổ tức                | 30%     | 30%       | 100%             |
| 5   | Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | 337.457 | 350.987   | 104%             |



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Việc thực hiện tiêu thụ và xử lý hợp lý các chỉ tiêu quan trắc môi trường như điện, nước, năng lượng, phát thải đã diễn ra đúng hoạch định, hướng đến sự phát triển bền vững, sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Cùng với SABECO, Công ty đang hoàn thiện chính sách lương, thưởng, đãi ngộ, phúc lợi ổn định, phù hợp để tương xứng với công sức đóng góp, tạo động lực làm việc cho người lao động luôn gắn bó và đồng hành cùng Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn cam kết về điều kiện làm việc an toàn, ứng xử văn minh và được chăm sóc sức khỏe đặc biệt, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi tối đa của người lao động mà pháp luật quy định.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn hoàn thành trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức trách nhiệm đối với môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn hoạt động. Công ty cam kết tạo nên những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng.







# VỊ BIA ĐỘT PHÁ VỚI ĐIỆN MẠO MỚI



**4**

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 64 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 67 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2023





# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2022, thị trường ngành bia phục hồi tích cực tạo động lực cho sự phát triển của Công ty, chính sách giá mua sản phẩm của SABECO được điều chỉnh để hỗ trợ các đơn vị sản xuất bù đắp yếu tố nguyên vật liệu đầu vào tăng giá.

Tuy nhiên có các khó khăn chính: sản lượng bia chai được giao thấp hơn kế hoạch, giá nguyên vật liệu, bao bì đầu vào tăng cao. Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn thể hiện sự tích cực khi công tác tiết giảm chi phí, tăng cường công tác quản lý tiêu hao sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất vẫn được Công ty thực hiện tốt.



### Đánh giá công tác tổ chức, điều hành

- » Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đúng quy định; Thực hiện họp HĐQT định kỳ theo đúng quy định về quản trị Công ty;
- » Với sự hỗ trợ từ SABECO, Ban điều hành trình và HĐQT đã phê duyệt ban hành sổ tay phân quyền áp dụng cho Công ty và Công ty con, tạo cơ chế giám sát hiệu quả giữa HĐQT và Ban điều hành cũng như trong toàn hệ thống SABECO.

### Đánh giá công tác sản xuất, giao hàng

- » Đảm bảo sản lượng giao hàng đủ theo yêu cầu của kế hoạch S&OP
- » Tuân thủ quy trình công nghệ, tuân thủ tần suất kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn của SABECO.

### Đánh giá công tác tài chính

- » Triển khai đồng bộ nhiều biện pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã thông qua, trong đó ưu tiên tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Dù chỉ tiêu doanh thu chưa đạt nhưng lợi nhuận sau thuế đạt tốt so với kế hoạch.
- » Trả cổ tức năm 2021 đầy đủ, đã tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 20% cho cổ đông.

## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HĐQT TRONG NĂM

- » Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đúng quy định;
- » Trả cổ tức năm 2021 đầy đủ, đã tạm ứng cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền tỷ lệ 20%;
- » Triển khai đồng bộ các biện pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã thông qua, trong đó ưu tiên tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh;
- » Kiểm soát các chỉ tiêu kinh doanh, giá thành sản xuất định kỳ hàng quý, năm;
- » Phê duyệt các hạng mục đầu tư theo kế hoạch và các nội dung có liên quan đến quá trình đầu tư.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Công tác giám sát Ban điều hành được thực hiện thường xuyên và theo quy định Điều lệ Công ty, Ban điều hành báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các thành viên HĐQT, đặc biệt là giai đoạn nền kinh tế thị trường diễn biến khá phức tạp hiện nay. Theo đánh giá của HĐQT, trong năm 2022, Ban điều hành cùng tập thể người lao động công ty đã nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm qua, dù tình hình sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn và một số chỉ tiêu vẫn chưa đạt được với kế hoạch đề ra, tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành, Công ty vẫn đạt được những kết quả tương đối ấn tượng. Cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế đạt 71,877 tỷ đồng bằng 98,99% kế hoạch 2022 và bằng 73,60% so với thực hiện năm 2021;
- Thực hiện các giải pháp để nỗ lực tiết giảm chi phí trong bối cảnh tình hình kinh doanh gặp nhiều áp lực về chi phí đầu vào, công tác quản lý tiêu hao sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất được đặt lên hàng đầu;
- Chất lượng sản phẩm đảm bảo theo tiêu chuẩn SABECO, công tác giao hàng đáp ứng theo kế hoạch được giao;
- Thực hiện tốt công tác quản lý máy móc thiết bị, bảo trì bảo dưỡng;
- Phối hợp tốt với SABECO trong công tác mua hàng tập trung, đối với các vật tư tự mua, Công ty chủ động thương thảo mua dự trữ để tránh tăng giá, tối ưu chi phí giá thành.
- Phối hợp cùng Ban Nguồn lực nhân sự SABECO về định hướng để tái cấu trúc sơ đồ tổ chức theo chuẩn chung của SABECO.
- Công tác bảo vệ môi trường và các hoạt động liên quan đến cộng đồng xã hội luôn được quan tâm và phối hợp cùng SABECO để thực hiện; hoạt động của các nhà máy luôn được đảm bảo, duy trì môi trường sản xuất xanh sạch đẹp, tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, an sinh xã hội tại địa phương.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Dự kiến năm 2023, Công ty vẫn sẽ chịu áp lực lớn do giá cả hàng hóa đầu vào tăng cao. Vì vậy, để gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023, HĐQT định hướng các nhiệm vụ quan trọng trong năm 2023 như sau:

- ⚙️ Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023;
- ⚙️ Kiểm soát ngân sách và dòng tiền, đảm bảo chi phí sử dụng vốn tối ưu nhất trong sản xuất kinh doanh và đầu tư toàn Công ty;
- ⚙️ Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo phê duyệt;
- ⚙️ Đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty;
- ⚙️ Rà soát, điều chỉnh và ban hành các Quy chế, quy định về quản trị nội bộ cho phù hợp với sở tay phân quyền và thống nhất với định hướng của SABECO.





## 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 70 Hội đồng quản trị
- 80 Ban kiểm soát
- 86 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính tại ngày 31/12/2022)

| STT | Thành viên            | Chức vụ         | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------------|-----------------|--------------------|--------------|
| 1   | Neo Gim Siong Bennett | Chủ tịch HĐQT   | 0                  | 0%           |
| 2   | Trần Nguyên Trung     | Thành viên HĐQT | 0                  | 0%           |
| 3   | Nguyễn Thị Kim Cúc    | Thành viên HĐQT | 0                  | 0%           |
| 4   | Phạm Đình Hùng        | Thành viên HĐQT | 30.000             | 0,21%        |
| 5   | Nguyễn Văn Đồi        | Thành viên HĐQT | 238.000            | 1,64%        |



### Giới thiệu Hội đồng quản trị



#### ÔNG NEO GIM SIONG BENNETT

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Singapore

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kỹ thuật chuyên ngành Cơ khí và Sản xuất;
- Chứng chỉ của Insead Business School (Fontainebleau - France);
- Chương trình SEM Singapore Executive Program

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Thành viên, National Kidney Foundation (Singapore)
- Chủ tịch, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn – Sông Hậu
- CEO – Thực phẩm, Fraser and Neave Limited
- CEO – YCH Group
- CEO – Hàng hải, EMAS Offshore Services Pte Ltd
- Giám đốc vùng, Asia Pacific Breweries Ltd (Singapore)
- Tổng giám đốc, ExxonMobil Unique (Việt Nam) Co., Ltd

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

#### Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT, CTCP NGK Chương Dương
- Chủ tịch HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn - Sông Lam
- Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh
- Chủ tịch, Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam
- Thành viên HĐQT, Ebenezer NDT Service Pte Ltd
- Thành viên HĐQT, Koi Marine Engineer & Services Pte Ltd
- Thành viên HĐQT, Eliezer Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, BNeo Consultants Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Climb Asia Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Ebenezer Holdings Pte.Ltd

#### Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:

0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

#### Số lượng cổ phần đại diện:

3.045.000 cổ phần chiếm 21,00% vốn điều lệ

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### ÔNG TRẦN NGUYỄN TRUNG

Năm sinh: 1967

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Phó trưởng Ban Kế toán – Thống kê, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Trưởng BKS, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm
- Trưởng BKS, CTCP Bia Sài Gòn – Kiên Giang
- Trưởng BKS, CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên HĐQT không điều hành

#### Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Kế toán trưởng, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
- Thành viên HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
- Thành viên HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi
- Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn
- Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn
- Thành viên BKS, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:

0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện:

2.175.000 cổ phần chiếm 15,00% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



### BÀ NGUYỄN THỊ KIM CÚC

Năm sinh: 1975

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Giám đốc mua hàng, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Chuyên viên kiểm soát, Công ty TNHH Tân Đại Hải

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên HĐQT không điều hành

#### Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Giám đốc mua hàng, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Thành viên HĐQT, CTCP Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô
- Thành viên HĐQT, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng
- Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Bao bì Sanmiguell Yamamura Phú Thọ.

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:

0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện:

2.175.000 cổ phần chiếm 15,00% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### ÔNG PHẠM ĐÌNH HÙNG

Năm sinh: 1956

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây

Phó trưởng Ban cung ứng kiêm trưởng phòng Kế hoạch mua hàng, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên HĐQT không điều hành

#### Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT, CTCP Kinh doanh Lương thực thực phẩm Trường Sa

#### Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:

30.000 cổ phiếu chiếm 0,21% vốn điều lệ

#### Số lượng cổ phần đại diện:

0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



### ÔNG NGUYỄN VĂN ĐỒI

Năm sinh: 1960

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Giám đốc Trung tâm kinh doanh Rượu Bia NGK, Công ty thực phẩm và dịch vụ Tổng hợp - Bộ Thương mại
- Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
- Thành viên HĐQT, Phó giám đốc CTCP Địa ốc và xây dựng SSG2
- Thành viên HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn – Vĩnh Long

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên HĐQT không điều hành

#### Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn – Vĩnh Long
- Thành viên HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
- Phó Giám đốc, CTCP Địa ốc và xây dựng SSG2
- Giám đốc, CTCP Thương mại Sài Gòn 9

#### Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:

238.000 cổ phiếu chiếm 1,64% vốn điều lệ

#### Số lượng cổ phần đại diện:

0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 1.193.400 cổ phần, chiếm 8,23% vốn điều lệ



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2022: HĐQT tổ chức 21 buổi họp, trong đó có 7 cuộc họp trực tiếp và 14 lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.

| STT | Thành viên            | Chức vụ         | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự |
|-----|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------------|
| 1   | Neo Gim Siong Bennett | Chủ tịch HĐQT   | 21                       | 100%          |
| 2   | Trần Nguyên Trung     | Thành viên HĐQT | 21                       | 100%          |
| 3   | Nguyễn Thị Kim Cúc    | Thành viên HĐQT | 21                       | 100%          |
| 4   | Phạm Đình Hùng        | Thành viên HĐQT | 21                       | 100%          |
| 5   | Nguyễn Văn Đồi        | Thành viên HĐQT | 20                       | 95%           |

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: sản xuất/bán hàng; đầu tư; nhân sự; các hoạt động liên quan đến cổ đông, chia cổ tức; quản trị Công ty, công bố thông tin và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Thành viên HĐQT có chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực, giám sát hiệu quả vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Các công việc chính đã được HĐQT thông qua và chỉ đạo triển khai thực hiện bao gồm:

- ✓ Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022;
- ✓ Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2022. Kiểm soát các chỉ tiêu kinh doanh, giá thành sản xuất định kỳ hàng quý;
- ✓ Tổ chức họp HĐQT định kỳ theo đúng quy định về quản trị Công ty;
- ✓ Quyết toán trả cổ tức năm 2021 đầy đủ, đã tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 20%;
- ✓ Phê duyệt các hạng mục đầu tư theo kế hoạch và các nội dung có liên quan đến quá trình đầu tư.
- ✓ Phê duyệt và ban hành sổ tay phân quyền áp dụng cho Công ty và Công ty con.
- ✓ Bên cạnh đó, HĐQT đảm bảo truyền thông đầy đủ đến cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý thông qua việc thực hiện chính sách công bố thông tin minh bạch và hiệu quả.

### CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM CỦA HĐQT

Tổng cộng trong năm đã có 25 nghị quyết HĐQT được ban hành để Ban điều hành làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

| STT | Số Nghị quyết   | Ngày      | Nội dung  |
|-----|-----------------|-----------|---|
| 1   | 01/2022/NQ-HĐQT | 19/1/2022 | Thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022  |
| 2   | 02/2022/NQ-HĐQT | 03/3/2022 | Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) quý 4/2021 và năm 2021, xem xét kế hoạch kinh doanh năm 2022 và một số nội dung khác   |
| 3   | 03/2022/NQ-HĐQT | 16/3/2022 | Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022; các nội dung liên quan đến hoạt động ngân hàng/ngân quỹ, tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 trình ĐHĐCĐ   |
| 4   | 04/2022/NQ-HĐQT | 02/4/2022 | Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2022   |
| 5   | 05/2022/NQ-HĐQT | 05/4/2022 | Về việc thông qua và biểu quyết Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu   |
| 6   | 06/2022/NQ-HĐQT | 05/4/2022 | Cử nhân sự tham gia quản lý vốn tại CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu   |
| 7   | 07/2022/NQ-HĐQT | 12/4/2022 | Thông qua và biểu quyết tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CTCP Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô.<br>Cử nhân sự tham gia quản lý vốn tại CTCP Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô |
| 8   | 08/2022/NQ-HĐQT | 20/4/2022 | Phê duyệt bổ nhiệm lại ông Lê Đăng Khoa giữ chức vụ Giám đốc Công ty<br>Nâng bậc lương cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng  |
| 9   | 09/2022/NQ-HĐQT | 20/4/2022 | Không thông qua việc bổ sung nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 theo yêu cầu của nhóm cổ đông   |
| 10  | 10/2022/NQ-HĐQT | 20/4/2022 | Thông qua danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027 đến thời điểm 18/4/2022 để trình ĐHĐCĐ 2022  |
| 11  | 12/2022/NQ-HĐQT | 22/4/2022 | Bầu ông Neo Gim Siong Bennett giữ chức vụ chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027  |





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM CỦA HĐQT (Tiếp theo)

| STT | Số Nghị quyết   | Ngày      | Nội dung  |
|-----|-----------------|-----------|---|
| 12  | 13/2022/NQ-HĐQT | 12/5/2022 | Chốt danh sách cổ đông để chi quyết toán cổ tức đợt cuối năm 2021 bằng tiền   |
| 13  | 14/2022/NQ-HĐQT | 26/5/2022 | Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình "Đầu tư bổ sung thiết bị ngưng tụ NH3 cho hệ thống lạnh CO2"  |
| 14  | 15/2022/NQ-HĐQT | 30/5/2022 | Phê duyệt sổ tay phân quyền (MOA) áp dụng cho CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây và Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng   |
| 15  | 16/2022/NQ-HĐQT | 30/5/2022 | Nghị quyết về việc thanh lý bao bì chai kết không phù hợp tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng  |
| 16  | 17/2022/NQ-HĐQT | 31/5/2022 | Nghị quyết về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của thành viên HĐQT  |
| 17  | 18/2022/NQ-HĐQT | 06/6/2022 | Nghị quyết về phê duyệt thiết kế, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục "Làm mới mái che khu xuất sản phẩm" tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng                         |
| 18  | 19/2022/NQ-HĐQT | 06/6/2022 | Nghị quyết về phê duyệt thiết kế, dự toán hình thức thực hiện hạng mục "01 dàn ngưng tụ hệ thống lạnh và 01 tank chứa CO2 lỏng" tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng              |
| 19  | 20/2022/NQ-HĐQT | 06/6/2022 | Nghị quyết về phê duyệt dự toán, hình thức thực hiện hạng mục "Nâng cấp hệ thống thiết bị trao đổi nhiệt bản mỏng nước lạnh 2°C và nước nha" tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng |
| 20  | 21/2022/NQ-HĐQT | 08/7/2022 | Phê duyệt BCKTKT, kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình "Sửa chữa kho lò hơi" tại CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây   |
| 21  | 22/2022/NQ-HĐQT | 22/7/2022 | Phê duyệt phương án mua hơi nước bão hòa tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng   |

| STT | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung   |
|-----|-----------------|------------|--|
| 22  | 23/2022/NQ-HĐQT | 23/8/2022  | Chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền  |
| 23  | 24/2022/NQ-HĐQT | 31/8/2022  | Đồng ý nội dung báo cáo kết quả kinh doanh quý 2/2022 và lũy kế 6 tháng đầu năm<br>Phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng |
| 24  | 25/2022/NQ-HĐQT | 28/11/2022 | Đồng ý nội dung của Báo cáo kết quả kinh doanh quý 3/2022 và lũy kế 9 tháng đầu năm  |
| 25  | 26/2022/NQ-HĐQT | 30/11/2022 | Thông qua nâng bậc lương và ký Phụ lục hợp đồng lao động đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây  |

**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập** Không có.

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty**  
Không có.





## BAN KIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Tính tại ngày 31/12/2022)

| STT | Thành viên        | Chức vụ        | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------|----------------|--------------------|--------------|
| 1   | Trần Thị Loan Anh | Trưởng BKS     | 0                  | 0%           |
| 2   | Đoàn Tiến Dũng    | Thành viên BKS | 0                  | 0%           |
| 3   | Nguyễn Văn Doanh  | Thành viên BKS | 0                  | 0%           |

#### Giới thiệu Ban kiểm soát



#### BÀ TRẦN THỊ LOAN ANH

Năm sinh: 1981  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Phó phòng, phụ trách phòng kế toán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
- Phụ trách phòng kế toán, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng
- Kế toán tổng hợp, Công ty May Tây Đô
- Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Thủy Sản Panga Mekong

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát  
 Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Trưởng BKS, CTCP Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ  
 Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ  
 Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



#### ÔNG NGUYỄN VĂN DOANH

Năm sinh: 1981  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Kế toán trưởng, Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Sài Gòn 9
- Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thiên Phú An
- Phó Phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
- Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát  
 Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng, CTCP Bia Sài Gòn – Vĩnh Long

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ  
 Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ  
 Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## BAN KIỂM SOÁT



### ÔNG ĐOÀN TIẾN DŨNG

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Trưởng phòng Tài chính – Ban Tài chính Tổng hợp, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Trưởng phòng kinh doanh, Công ty TNHH Vạn Thọ

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên Ban kiểm soát

#### Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Giám đốc Tài chính, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Thành viên HĐQT, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm
- Thành viên HĐQT, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ
- Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh
- Thành viên HĐQT CTCP Bia, Rượu Sài Gòn Đồng Xuân
- Thành viên BKS, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc
- Thành viên BKS, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung

#### Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:

0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

#### Số lượng cổ phần đại diện:

0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





## BAN KIỂM SOÁT

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### Các phiên họp của Ban kiểm soát

| STT | Nội dung   | Ngày họp   | Kết quả tham dự (%) |
|-----|--|------------|---------------------|
| 1   | Soát xét kết quả kinh doanh, kiểm kê, Nghị quyết, đầu tư,...năm 2021.          | 11/01/2022 | 100%                |
| 2   | Họp bầu Trưởng ban kiểm soát .   | 22/04/2022 | 100%                |
| 3   | Soát xét kết quả kinh doanh, kiểm kê, Nghị quyết, đầu tư,... 6 tháng năm 2022. | 08/07/2022 | 100%                |
| 4   | Soát xét kết quả kinh doanh, kiểm kê, Nghị quyết, đầu tư,... Quý 3 năm 2022.   | 14/10/2022 | 100%                |



#### Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

- Căn cứ Nghị quyết của ĐHCĐ để lên kế hoạch công tác, Trưởng Ban kiểm soát lên kế hoạch công tác phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức họp định kỳ hàng quý.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đối với Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành;
- Thực hiện giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo: Tình hình tài chính trung thực, hợp lý; Công tác kế toán, thống kê, ghi chép theo chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành;
- Các hoạt động sản xuất kinh doanh: Sự tuân thủ các quy chế quy định nội bộ; sự chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động; xem xét hồ sơ, kết quả kiểm kê theo định kỳ của Công ty;
- Xem xét tình hình triển khai các hạng mục đầu tư, sự tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình đầu tư;

#### Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, ĐHQ trong năm 2022

- Được cung cấp thông tin đầy đủ về từng nội dung thời gian theo yêu cầu.
- Được phản hồi những nội dung làm việc, ý kiến đóng góp cho tất cả các hoạt động của Công ty đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông.
- Được tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ.

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

- Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác của Công ty;
- Thực hiện các chuyên đề đánh giá giám sát chuyên sâu trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hạn chế mọi rủi ro, gian lận xảy ra;
- Phối hợp, thông tin liên lạc giữa các thành viên Ban kiểm soát cũng như các thành viên trong HĐQT, Ban điều hành Công ty;
- Tham gia cùng với Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý trong Công ty.





# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

| STT                        | Họ và tên             | Chức danh      | Thu nhập 2022 (triệu đồng) |       |        |
|----------------------------|-----------------------|----------------|----------------------------|-------|--------|
|                            |                       |                | Thù lao                    | Lương | Thưởng |
| <b>I Hội đồng quản trị</b> |                       |                |                            |       |        |
| 1                          | Neo Gim Siong Bennett | Chủ tịch HĐQT  | 130                        | -     | -      |
| 2                          | Nguyễn Thị Kim Cúc    | Thành viên     | 91                         | -     | -      |
| 3                          | Nguyễn Văn Đồi        | Thành viên     | 91                         | -     | -      |
| 4                          | Phạm Đình Hùng        | Thành viên     | 91                         | -     | -      |
| 5                          | Trần Nguyên Trung     | Thành viên     | 91                         | -     | -      |
| <b>II Ban kiểm soát</b>    |                       |                |                            |       |        |
| 1                          | Trần Thị Loan Anh     | Trưởng BKS     | -                          | 495   | 49     |
| 2                          | Nguyễn Văn Doanh      | Thành viên     | 52                         | -     | -      |
| 3                          | Đoàn Tiến Dũng        | Thành viên     | 52                         | -     | -      |
| <b>III Ban điều hành</b>   |                       |                |                            |       |        |
| 1                          | Lê Đăng Khoa          | Giám đốc       | -                          | 1.214 | 122    |
| 2                          | Võ Văn Vân            | Phó Giám đốc   | -                          | 999   | 91     |
| 3                          | Phạm Minh Quân        | Phó Giám đốc   | -                          | 893   | 91     |
| 4                          | Trương Thị Mỹ Hồng    | Kế toán trưởng | -                          | 921   | 91     |

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ** Không có

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH KHÁC

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân                     | Mối quan hệ liên quan với công ty  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID | Địa chỉ        | Số Nghị quyết/ Quyết định       | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch           |
|-----|--|------------------------------------|--|----------------|---------------------------------|--|
| 1   | Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn       | Công ty mẹ                         | 0300583659                             | TP.HCM         | 11/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022 | Hợp đồng mua nguyên vật liệu. Giá trị: 62,14 tỷ đồng |
| 2   | Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn       | Công ty mẹ                         | 0300583659                             | TP.HCM         | 11/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022 | Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị: 308,69 tỷ đồng   |
| 3   | CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô          | Công ty liên quan đến người nội bộ | 1800641942                             | TP Cần Thơ     | 02/2022/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022  | Bán vật tư: Giá trị 0,04 tỷ đồng                     |
| 4   | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng | Công ty liên quan đến người nội bộ | 2200584204                             | Tỉnh Sóc Trăng | 02/2022/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022  | Mua, bán vật tư: 0,74 tỷ đồng                        |
| 5   | CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu     | Công ty liên quan đến người nội bộ | 1800620445                             | TP. Cần Thơ    | 02/2022/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022  | Mua bia. Giá trị: 0,89 tỷ đồng                       |
| 6   | Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn  | Công ty trong hệ thống Sabeco      | 0303140574                             | TP.HCM         | 02/2022/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022  | Giá trị giao dịch: 0,37 tỷ đồng.                     |
| 7   | Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco           | Công ty trong hệ thống Sabeco      | 0305815166                             | TP.HCM         | 02/2022/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022  | Giá trị giao dịch: 0,25 tỷ đồng.                     |



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH KHÁC

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (Tiếp theo)

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân                                | Mối quan hệ liên quan với công ty  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID | Địa chỉ         | Số Nghị quyết/ Quyết định      | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch         |
|-----|---|------------------------------------|--|-----------------|--------------------------------|--|
| 8   | CN CTCP Rượu Bình Tây – Nhà máy cồn Rượu Bình Dương | Công ty liên quan đến người nội bộ | 0302262756-003                         | Tỉnh Bình Dương | 02/2022/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022 | Giá trị giao dịch: 0,08 tỷ đồng.                   |
| 9   | CTCP Nước giải khát Chương Dương                    | Công ty liên quan đến người nội bộ | 0300584564                             | TP.HCM          | 02/2022/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022 | Mua nước ngọt Chương Dương. Giá trị: 0,09 tỷ đồng. |
| 10  | CTCP Bia Sài Gòn – Bến Tre                          | Công ty trong hệ thống Sabeco      | 1301026370                             | Tỉnh Bến Tre    | 02/2022/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022 | Giá trị giao dịch: 0,04 tỷ đồng                    |



Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

| STT | Người thực hiện giao dịch                           | Quan hệ với người nội bộ           | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID | Địa chỉ         | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch                 |
|-----|---|------------------------------------|--|-----------------|--|--|
| 1   | Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn                  | Công ty liên quan đến người nội bộ | 0300583659                             | TP.HCM          | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng             | Hợp đồng mua/ bán nguyên vật liệu. Giá trị: 441,59 tỷ đồng |
| 2   | Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn                  | Công ty liên quan đến người nội bộ | 0300583659                             | TP.HCM          | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng             | Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị: 1.134,78 tỷ đồng       |
| 3   | Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco                      | Công ty trong hệ thống Sabeco      | 0305815166                             | TP.HCM          | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng             | Giá trị giao dịch: 0,42 tỷ đồng                            |
| 4   | CN CTCP Rượu Bình Tây – Nhà máy cồn Rượu Bình Dương | Công ty trong hệ thống Sabeco      | 0302262756-003                         | Tỉnh Bình Dương | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng             | Giá trị giao dịch: 0,07 tỷ đồng                            |
| 5   | CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu                | Công ty liên quan đến người nội bộ | 1800620445                             | TP. Cần Thơ     | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng             | Giá trị giao dịch: 0,79 tỷ đồng                            |
| 6   | CTCP Nước giải khát Chương Dương                    | Công ty liên quan đến người nội bộ | 0300584564                             | TP.HCM          | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng             | Mua nước ngọt. Giá trị: 0,08 tỷ đồng.                      |



## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty:

- Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Bộ luật dân sự.
- Các thông tư, quy định về quản trị công ty, hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận thông tin đối với các nhà đầu tư, Công ty luôn thực hiện việc công bố thông tin trong năm 2022 một cách chính xác và kịp thời. Các báo cáo định kỳ cũng như các thông tin bất thường được đăng tải trên website của Công ty và công bố theo đúng quy định hiện hành. Ngoài ra, việc công bố thông tin được thực hiện dưới dạng song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, qua đó tạo điều kiện cho cả cổ đông, nhà đầu tư trong nước và ngoài nước có thể dễ dàng tiếp cận thông tin.

Để cập nhật các quy định mới kịp thời, trong tháng 7/2022, Công ty đã tham gia đào tạo các quy định mới về Luật chứng khoán 2019; Luật Doanh nghiệp 2020; Nghị định, Thông tư hướng dẫn luật chứng khoán 2019 được ban hành năm 2020, do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức.

Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc cung cấp và công bố thông tin chính xác, đúng thời hạn, đó là trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành.

## KẾ HOẠCH NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

- Tiếp tục duy trì thực hiện các quy định về quản trị công ty theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo tối đa lợi ích của quý Cổ đông; đảm bảo hệ thống quy định quản trị công ty phù hợp với những thay đổi của pháp luật hiện hành có liên quan.
- Tham gia các hoạt động đào tạo từ các tổ chức có liên quan để kịp thời cập nhật các quy định về quản trị mới nhất.
- Về quản trị nội bộ: hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định, quy trình về tài chính, kế toán, đầu tư, mua hàng, hành chính nhân sự... theo đúng nội dung quy định của sổ tay phân quyền. Từ đó nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý, kiểm soát nội bộ.





## 6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 94 Ý kiến kiểm toán
- 96 Báo cáo tài chính được kiểm toán







KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00303-23-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022 VND         | 1/1/2022 VND           |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |            |             |                        |                        |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | <b>100</b> |             | <b>363.958.331.255</b> | <b>294.385.351.935</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                      | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>71.786.745.127</b>  | <b>89.711.419.375</b>  |
| Tiền   | 111        |             | 241.745.127            | 131.419.375            |
| Các khoản tương đương tiền                                     | 112        |             | 71.545.000.000         | 89.580.000.000         |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                               | <b>120</b> |             | <b>174.149.000.000</b> | <b>140.400.000.000</b> |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                | 123        | 6(a)        | 174.149.000.000        | 140.400.000.000        |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                             | <b>130</b> |             | <b>22.338.933.838</b>  | <b>9.322.724.516</b>   |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                               | 131        | 7           | 15.336.660.410         | 6.572.415.292          |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                               | 132        |             | 2.555.394.363          | 389.931.227            |
| Phải thu ngắn hạn khác   | 136        |             | 4.446.879.065          | 2.360.377.997          |
| <b>Hàng tồn kho</b>  | <b>140</b> | <b>8</b>    | <b>94.760.668.765</b>  | <b>54.145.469.248</b>  |
| Hàng tồn kho   | 141        |             | 96.374.431.106         | 55.422.049.761         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                                 | 149        |             | (1.613.762.341)        | (1.276.580.513)        |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                                   | <b>150</b> |             | <b>922.983.525</b>     | <b>805.738.796</b>     |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                     | 151        |             | 922.983.525            | 805.738.796            |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022 VND         | 1/1/2022 VND           |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>Tài sản dài hạn</b><br>(200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | <b>200</b> |             | <b>484.383.659.427</b> | <b>564.907.018.332</b> |
| <b>Tài sản cố định</b>  | <b>220</b> |             | <b>405.590.681.895</b> | <b>443.504.516.884</b> |
| Tài sản cố định hữu hình                                      | 221        | 9           | 405.590.681.895        | 443.504.516.884        |
| Nguyên giá  | 222        |             | 1.017.223.674.247      | 987.447.096.238        |
| Giá trị hao mòn lũy kế  | 223        |             | (611.632.992.352)      | (543.942.579.354)      |
| Tài sản cố định vô hình                                       | 227        | 10          | -                      | -                      |
| Nguyên giá  | 228        |             | -                      | 73.881.710             |
| Giá trị hao mòn lũy kế  | 229        |             | -                      | (73.881.710)           |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                                    | <b>230</b> | <b>11</b>   | <b>2.961.709.785</b>   | <b>3.650.041.629</b>   |
| Nguyên giá  | 231        |             | 9.386.489.186          | 9.386.489.186          |
| Giá trị hao mòn lũy kế  | 232        |             | (6.424.779.401)        | (5.736.447.557)        |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                                | <b>240</b> |             | <b>1.079.404.178</b>   | <b>13.416.472.493</b>  |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                       | 242        | 12          | 1.079.404.178          | 13.416.472.493         |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>                               | <b>250</b> |             | <b>55.122.108.977</b>  | <b>84.064.533.518</b>  |
| Đầu tư vào công ty liên kết                                   | 252        | 6(b)        | 39.041.393.577         | 37.783.818.118         |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                | 253        | 6(b)        | 13.980.715.400         | 13.980.715.400         |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                               | 255        | 6(c)        | 2.100.000.000          | 32.300.000.000         |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>260</b> |             | <b>19.629.754.592</b>  | <b>20.271.453.808</b>  |
| Chi phí trả trước dài hạn                                     | 261        | 13          | 17.520.066.582         | 18.340.505.488         |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                                | 262        |             | 2.109.688.010          | 1.930.948.320          |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                         | <b>270</b> |             | <b>848.341.990.682</b> | <b>859.292.370.267</b> |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND      | 1/1/2022<br>VND        |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                         |            |             |                        |                        |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>     | <b>300</b> |             | <b>130.911.989.038</b> | <b>163.528.850.464</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                       | <b>310</b> |             | <b>124.490.975.244</b> | <b>157.028.816.343</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn              | 311        | 14          | 12.119.309.003         | 15.023.392.375         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn        | 312        |             | 15.825.144             | 43.055.144             |
| Thuế phải nộp Nhà nước                   | 313        | 15          | 77.654.134.302         | 101.853.657.194        |
| Phải trả người lao động                  | 314        |             | 8.745.595.663          | 11.844.608.934         |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                | 315        |             | 7.462.417.831          | 4.446.606.638          |
| Phải trả ngắn hạn khác                   | 319        | 16          | 9.976.105.110          | 9.062.992.891          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                | 322        | 17          | 8.517.588.191          | 14.754.503.167         |
| <b>Nợ dài hạn</b>                        | <b>330</b> |             | <b>6.421.013.794</b>   | <b>6.500.034.121</b>   |
| Phải trả dài hạn khác                    | 337        |             | 51.500.000             | 69.550.000             |
| Dự phòng phải trả dài hạn                | 342        | 18          | 6.369.513.794          | 6.430.484.121          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>        | <b>400</b> |             | <b>717.430.001.644</b> | <b>695.763.519.803</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>410</b> | <b>19</b>   | <b>717.430.001.644</b> | <b>695.763.519.803</b> |
| Vốn cổ phần                              | 411        | 20          | 145.000.000.000        | 145.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a       |             | 145.000.000.000        | 145.000.000.000        |
| Quỹ đầu tư phát triển                    | 418        | 22          | 219.010.945.308        | 219.010.945.308        |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối        | 421        |             | 353.419.056.336        | 331.752.574.495        |
| - LNST chưa phân phối đến cuối năm trước | 421a       |             | 316.718.262.461        | 268.148.839.680        |
| - Lợi nhuận sau thuế năm nay             | 421b       |             | 36.700.793.875         | 63.603.734.815         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>  | <b>440</b> |             | <b>848.341.990.682</b> | <b>859.292.370.267</b> |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Lê Đăng Khoa  
Giám đốc



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 02 - DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số     | Thuyết minh | 2022<br>VND            | 2021<br>VND             |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                    | <b>01</b> | <b>24</b>   | <b>745.412.689.792</b> | <b>780.066.538.222</b>  |
| <b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>                                      | <b>11</b> | <b>25</b>   | <b>663.644.273.996</b> | <b>668.270.790.606</b>  |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>  | <b>20</b> |             | <b>81.768.415.796</b>  | <b>111.795.747.616</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 26          | 15.378.872.773         | 14.410.654.820          |
| Chi phí tài chính  | 22        | 27          | 143.937.123            | 187.829.834             |
| Trong đó: Chi phí lãi vay  | 23        |             | 143.937.123            | 178.605.863             |
| Phần lãi trong công ty liên kết  | 24        | 6(b)        | 1.257.575.459          | 1.607.686               |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26        | 28          | 19.793.946.538         | 19.231.768.673          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + (24 - 26)}</b> | <b>30</b> |             | <b>78.466.980.367</b>  | <b>106.788.411.615</b>  |
| Thu nhập khác  | 31        |             | 695.719.712            | 167.101.332             |
| Chi phí khác   | 32        |             | 1.766.962.608          | 291.621.850             |
| <b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                              | <b>40</b> |             | <b>(1.071.242.896)</b> | <b>(124.520.518)</b>    |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                               | <b>50</b> |             | <b>77.395.737.471</b>  | <b>106.663.891.097</b>  |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>   | <b>51</b> | <b>30</b>   | <b>5.697.204.467</b>   | <b>8.859.921.377</b>    |
| <b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>                                      | <b>52</b> | <b>30</b>   | <b>(178.739.690)</b>   | <b>146.486.492</b>      |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>                         | <b>60</b> |             | <b>71.877.272.694</b>  | <b>97.657.483.228</b>   |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>   |           |             |                        | <b>(Điều chỉnh lại)</b> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 70        | 31          | 4.581                  | 6.383                   |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Lê Đăng Khoa  
Giám đốc





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã Thuyết số minh | 2022 VND               | 2021 VND               |
|--|-------------------|------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                             |                   |                        |                        |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>01</b>         | <b>77.395.737.471</b>  | <b>106.663.891.097</b> |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |                   |                        |                        |
| Khấu hao và phân bổ  | 02                | 69.076.461.077         | 69.241.900.151         |
| Các khoản dự phòng   | 03                | 337.181.828            | (500.826.053)          |
| Thu nhập lãi tiền gửi  | 05                | (12.541.162.273)       | (8.345.059.620)        |
| Thu nhập từ cổ tức   | 05                | (2.837.710.500)        | (1.891.807.000)        |
| (Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định                                       | 05                | (187.159.309)          | 220.956.197            |
| Lãi từ thanh lý các hoạt động đầu tư tài chính                             | 05                | -                      | (4.173.788.200)        |
| Phần lãi trong công ty liên kết  | 05                | (1.257.575.459)        | (1.607.686)            |
| Chi phí lãi vay  | 06                | 143.937.123            | 178.605.863            |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b>         | <b>130.129.709.958</b> | <b>161.392.264.749</b> |
| Biến động các khoản phải thu   | 09                | (9.969.680.512)        | 8.296.050.211          |
| Biến động hàng tồn kho   | 10                | (40.952.381.345)       | 9.858.446.041          |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                           | 11                | (31.613.267.358)       | 3.110.490.476          |
| Biến động chi phí trả trước  | 12                | 703.194.177            | (4.248.166.394)        |
|  |                   | <b>48.297.574.920</b>  | <b>178.409.085.083</b> |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14                | (143.937.123)          | (178.605.863)          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15                | (6.401.690.939)        | (12.382.488.077)       |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                     | 17                | (5.134.743.358)        | (9.903.137.921)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                       | <b>20</b>         | <b>36.617.203.500</b>  | <b>155.944.853.222</b> |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã Thuyết số minh | 2022 VND                | 2021 VND                |
|---|-------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                        |                   |                         |                         |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định                        | 21                | (14.118.397.620)        | (18.415.837.782)        |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định                              | 22                | 191.872.727             | 119.090.909             |
| Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn                                   | 23                | (189.549.000.000)       | (196.480.000.000)       |
| Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn                                   | 24                | 186.000.000.000         | 133.409.000.000         |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                   | 26                | -                       | 6.328.975.000           |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức                                   | 27                | 13.101.273.145          | 9.259.405.797           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                  | <b>30</b>         | <b>(4.374.251.748)</b>  | <b>(65.779.366.076)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                     |                   |                         |                         |
| Tiền thu từ đi vay ngắn hạn                                       | 33                | 62.400.000.000          | 163.020.000.000         |
| Tiền trả nợ gốc vay   | 34                | (62.400.000.000)        | (163.020.000.000)       |
| Tiền trả cổ tức   | 36                | (50.167.626.000)        | (64.803.770.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>               | <b>40</b>         | <b>(50.167.626.000)</b> | <b>(64.803.770.000)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>        | <b>50</b>         | <b>(17.924.674.248)</b> | <b>25.361.717.146</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                 | <b>60</b>         | <b>89.711.419.375</b>   | <b>64.349.702.229</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b> | <b>70</b>         | <b>71.786.745.127</b>   | <b>89.711.419.375</b>   |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng

Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2022: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

| Tên Công ty  | Địa chỉ                           | Hoạt động chính                                  | % sở hữu và quyền biểu quyết |          |
|--|-----------------------------------|--|------------------------------|----------|
|  |                                   |  | 31/12/2022                   | 1/1/2022 |
| <b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b><br>Công ty TNHH MTV<br>Bia Sài Gòn - Sóc Trăng | Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng  | Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát | 100%                         | 100%     |
| <b>Công ty liên kết</b><br>Công ty Cổ phần<br>Bia Sài Gòn - Bạc Liêu               | Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu | Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát | 20%                          | 20%      |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty có 200 nhân viên (1/1/2022: 205 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.



**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                            |            |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 38 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị      | 3 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển   | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng       | 2 – 20 năm |

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



**(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                            |            |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 8 – 25 năm |
|----------------------------|------------|

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo luật và quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | 31/12/2022<br>VND     | 1/1/2022<br>VND       |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                   | 184.831.400           | 95.713.000            |
| Tiền gửi ngân hàng         | 56.913.727            | 35.706.375            |
| Các khoản tương đương tiền | 71.545.000.000        | 89.580.000.000        |
|                            | <b>71.786.745.127</b> | <b>89.711.419.375</b> |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 6% một năm (1/1/2022: 3,2% đến 3,5% một năm).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,2% đến 9,2% một năm (1/1/2022: 3,9% đến 5,2% một năm).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | 31/12/2022           |                       | 1/1/2022                           |                             |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------------|
|  | Số lượng<br>cổ phiếu | Giá trị hợp lý<br>VND | Số lượng<br>cổ phiếu               | Giá trị hợp lý<br>VND       |
| <b>(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>                    |                      |                       |                                    |                             |
|  |                      |                       | % sở hữu<br>và quyền<br>biểu quyết | Dự phòng<br>giảm giá<br>VND |
|  |                      |                       |                                    | Giá trị hợp lý<br>VND       |
| <b>Đầu tư vào:</b>   |                      |                       |                                    |                             |
| Công ty liên kết   |                      |                       |                                    |                             |
| • Công ty Cổ phần<br>bia Sài Gòn -<br>Bạc Liêu                   | 2.402.400            | 39.041.393.577        | 20,00%                             | -                           |
| Đơn vị khác:   |                      |                       |                                    |                             |
| • Công ty Cổ phần<br>Bia - Nước Giải<br>Khát Sài Gòn -<br>Tây Đô | 1.891.807            | 13.980.715.400        | 9,46%                              | -                           |
|  |                      |                       |                                    | (*) 1.891.807               |
|  |                      |                       |                                    | 23.975.952.000              |
|  |                      |                       |                                    | 2.402.400                   |
|  |                      |                       |                                    | 37.783.818.118              |
|  |                      |                       |                                    | 25.837.812.000              |
|  |                      |                       |                                    | (*)                         |
|  |                      |                       |                                    | 13.980.715.400              |
|  |                      |                       |                                    | -                           |
|  |                      |                       |                                    | 51.764.533.518              |
|  |                      |                       |                                    | 53.022.108.977              |

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

|  | 2022<br>VND           | 2021<br>VND           |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm                              | 37.783.818.118        | 37.782.210.432        |
| Phần lãi trong công ty liên kết            | 1.257.575.459         | 41.607.686            |
| Điều chỉnh phần lãi trong công ty liên kết | -                     | (40.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                      | <b>39.041.393.577</b> | <b>37.783.818.118</b> |

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

|  | Tổng tài sản<br>VND | Tổng nợ phải trả<br>VND | Tổng nguồn vốn<br>VND | Lợi nhuận thuần sau thuế<br>VND |
|--|---------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 269.078.169.390     | 73.871.201.503          | 195.206.967.887       | 6.287.877.296                   |
| Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 286.840.729.669     | 97.921.639.078          | 188.919.090.591       | 208.038.427                     |

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và được hưởng lãi suất là 9,2% một năm (1/1/2022: 5,2% một năm).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

|  | 31/12/2022<br>VND     | 1/1/2022<br>VND      |
|--|-----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 14.273.129.420        | 6.397.734.819        |
| Các khách hàng khác                                      | 1.063.530.990         | 174.680.473          |
| <b>Tổng</b>  | <b>15.336.660.410</b> | <b>6.572.415.292</b> |

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

|  | 31/12/2022<br>VND | 1/1/2022<br>VND |
|--|-------------------|-----------------|
| <b>Công ty mẹ</b>  |                   |                 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 14.273.129.420    | 6.397.734.819   |
| <b>Các bên liên quan khác</b>                            |                   |                 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn       | 392.904.000       | -               |
| Công ty TNHH Thủy tinh Malaya – Việt Nam                 | 154.556.640       | -               |
| Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô    | -                 | 13.186.800      |

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Hàng tồn kho**

|                                       | 31/12/2022            |                        | 1/1/2022              |                        |
|---------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                       | Giá gốc VND           | Dự phòng VND           | Giá gốc VND           | Dự phòng VND           |
| Hàng mua đang đi trên đường           | 179.935.000           | -                      | 309.074.000           | -                      |
| Nguyên vật liệu                       | 40.365.494.962        | -                      | 18.037.721.927        | -                      |
| Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | 5.888.745.798         | (1.613.762.341)        | 5.273.024.696         | (1.276.580.513)        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang   | 22.733.200.593        | -                      | 18.090.323.084        | -                      |
| Thành phẩm                            | 27.197.228.389        | -                      | 13.399.650.104        | -                      |
| Hàng hóa                              | 9.826.364             | -                      | 312.255.950           | -                      |
|                                       | <b>96.374.431.106</b> | <b>(1.613.762.341)</b> | <b>55.422.049.761</b> | <b>(1.276.580.513)</b> |

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 1.613 triệu VND (1/1/2022: 1.277 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

|                              | 2022 VND             | 2021 VND             |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm                | 1.276.580.513        | 1.777.406.566        |
| Dự phòng trích lập trong năm | 857.032.558          | 565.353.724          |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (519.850.730)        | (1.066.179.777)      |
| Số dư cuối năm               | <b>1.613.762.341</b> | <b>1.276.580.513</b> |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                                   | Nguyên giá      | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|-----------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------|----------|
| Số dư đầu năm                     | 177.811.245.142 | 777.795.504.647              | 15.320.788.648          | 16.519.557.801             | 987.447.096.238        |          |
| Tăng trong năm                    | -               | 3.645.000.000                | -                       | -                          | 3.645.000.000          |          |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 1.396.071.297   | 25.437.936.365               | -                       | -                          | 26.834.007.662         |          |
| Thanh lý                          | -               | (107.815.308)                | (530.728.436)           | (63.885.909)               | (702.429.653)          |          |
| Số dư cuối năm                    | 179.207.316.439 | 806.770.625.704              | 14.790.060.212          | 16.455.671.892             | 1.017.223.674.247      |          |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                 |                              |                         |                            |                        |          |
| Số dư đầu năm                     | 73.076.750.893  | 447.416.432.796              | 10.567.702.236          | 12.881.693.429             | 543.942.579.354        |          |
| Khấu hao trong năm                | 8.544.838.658   | 57.435.537.213               | 1.223.451.380           | 1.184.301.982              | 68.388.129.233         |          |
| Thanh lý                          | -               | (103.101.890)                | (530.728.436)           | (63.885.909)               | (697.716.235)          |          |
| Số dư cuối năm                    | 81.621.589.551  | 504.748.868.119              | 11.260.425.180          | 14.002.109.502             | 611.632.992.352        |          |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                 |                              |                         |                            |                        |          |
| Số dư đầu năm                     | 104.734.494.249 | 330.379.071.851              | 4.753.086.412           | 3.637.864.372              | 443.504.516.884        |          |
| Số dư cuối năm                    | 97.585.726.888  | 302.021.757.585              | 3.529.635.032           | 2.453.562.390              | 405.590.681.895        |          |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 81.884 triệu VND (1/1/2022: 62.440 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị ghi sổ của nhà cửa và vật kiến trúc tạm thời nhân rồi, máy móc và thiết bị trong tài sản cố định hữu hình là 7.292 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: không).



**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### 10. Tài sản cố định vô hình

|                                 | <b>Phần mềm<br/>máy vi tính<br/>VND</b> |
|---------------------------------|---|
| <b>Nguyên giá</b>               |   |
| Số dư đầu năm                   | 73.881.710                              |
| Thanh lý                        | (73.881.710)                            |
| Số dư cuối năm                  | -                                       |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>   |   |
| Số dư đầu năm                   | 73.881.710                              |
| Thanh lý                        | (73.881.710)                            |
| Số dư cuối năm                  | -                                       |
| <b>Giá trị còn lại</b>          |   |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | -                                       |



**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### 11. Bất động sản đầu tư

|                               | <b>Nhà cửa,<br/>vật kiến trúc<br/>VND</b> |
|-------------------------------|---|
| <b>Nguyên giá</b>             |   |
| Số dư đầu năm và cuối năm     | 9.386.489.186                             |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |   |
| Số dư đầu năm                 | 5.736.447.557                             |
| Khấu hao trong năm            | 688.331.844                               |
| Số dư cuối năm                | 6.424.779.401                             |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |   |
| Số dư đầu năm                 | 3.650.041.629                             |
| Số dư cuối năm                | 2.961.709.785                             |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

### 12. Xây dựng cơ bản dở dang

|                                       | <b>2022<br/>VND</b> | <b>2021<br/>VND</b> |
|---------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm                         | 13.416.472.493      | 725.663.402         |
| Tăng trong năm                        | 14.496.939.347      | 15.696.987.380      |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình  | (26.834.007.662)    | (2.207.200.108)     |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | -                   | (1.309.887.272)     |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình    | -                   | 510.909.091         |
| Số dư cuối năm                        | 1.079.404.178       | 13.416.472.493      |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

|                   | Tiền thuê đất<br>trả trước<br>VND | Công cụ và<br>dụng cụ<br>VND | Bao bì<br>luân chuyển<br>VND | Tổng<br>VND     |
|-------------------|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm     | 11.157.361.999                    | 4.582.408.977                | 2.600.734.512                | 18.340.505.488  |
| Tăng trong năm    | -                                 | 2.268.894.085                | -                            | 2.268.894.085   |
| Phân bổ trong năm | (465.474.648)                     | (1.501.258.343)              | (1.122.600.000)              | (3.089.332.991) |
| Số dư cuối năm    | 10.691.887.351                    | 5.350.044.719                | 1.478.134.512                | 17.520.066.582  |

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

|  | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ<br>31/12/2022<br>VND | 1/1/2022<br>VND |
|--|--|-----------------|
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Nam      | 2.354.500.000                                      | -               |
| Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng            | 1.796.941.500                                      | 1.232.175.000   |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn | -  | 2.841.417.388   |
| Công ty TNHH Nhựa Long Thành                             | -  | 991.650.000     |
| Các nhà cung cấp khác                                    | 7.967.867.503                                      | 9.958.149.987   |
|  | 12.119.309.003                                     | 15.023.392.375  |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

|  | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ<br>31/12/2022<br>VND | 1/1/2022<br>VND |
|--|--|-----------------|
| <b>Công ty mẹ</b>  |  |                 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | -  | 2.841.417.388   |
| <b>Các bên liên quan khác</b>                            |  |                 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn       | 3.081.273  | 113.641.416     |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương              | 31.570.560   | -               |
| Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô    | -  | 234.257.100     |
| Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co              | -  | 86.350.000      |

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

(Ban hành theo Thông  
ngày 22 tháng 12 năm

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

|                            | 1/1/2022<br>VND | Số phát sinh<br>trong năm<br>VND | Số đã nộp<br>VND  | Số còn trừ<br>VND |
|----------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt     | 87.780.571.320  | 711.646.444.941                  | (731.713.004.816) | -                 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.523.059.482   | 5.697.204.467                    | (6.401.690.939)   | -                 |
| Thuế giá trị gia tăng      | 11.120.066.888  | 145.072.024.685                  | (93.522.890.975)  | (54.575.813.863)  |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 429.959.504     | 1.880.845.749                    | (2.282.642.141)   | -                 |
| Tiền thuế đất              | -               | 390.758.063                      | (390.758.063)     | -                 |
| Các loại thuế khác         | -               | 108.210.569                      | (108.210.569)     | -                 |
|                            | 101.853.657.194 | 864.795.488.474                  | (834.419.197.503) | (54.575.813.863)  |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

|                               | 31/12/2022<br>VND | 1/1/2022<br>VND |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|
| Cổ tức phải trả               | 4.898.686.808     | 4.316.312.808   |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.450.962.820     | 1.234.021.339   |
| Phải trả khác                 | 3.626.455.482     | 3.512.658.744   |
|                               | 9.976.105.110     | 9.062.992.891   |

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

|   | 2022<br>VND     | 2021<br>VND     |
|---|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm   | 14.754.503.167  | 16.043.097.361  |
| Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 19)              | 5.450.390.830   | 11.713.305.806  |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) | (6.613.532.775) | (3.238.911.829) |
| Sử dụng quỹ trong năm                                 | (5.073.773.031) | (9.762.988.171) |
| Số dư cuối năm  | 8.517.588.191   | 14.754.503.167  |

**18. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

|                            | 2022<br>VND   | 2021<br>VND   |
|----------------------------|---------------|---------------|
| Số dư đầu năm              | 6.430.484.121 | 6.570.633.871 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (60.970.327)  | (140.149.750) |
| Số dư cuối năm             | 6.369.513.794 | 6.430.484.121 |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|   | Vốn cổ phần<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng<br>VND      |
|---|--------------------|---------------------------------|---|------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>              | 145.000.000.000    | 219.010.945.308                 | 308.431.746.139                             | 672.442.691.447  |
| Lợi nhuận thuần trong năm                             | -                  | -                               | 97.657.483.228                              | 97.657.483.228   |
| Cổ tức (Thuyết minh 21)                               | -                  | -                               | (65.250.000.000)                            | (65.250.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)      | -                  | -                               | (11.713.305.806)                            | (11.713.305.806) |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) | -                  | -                               | 3.238.911.829                               | 3.238.911.829    |
| Trích quỹ công tác xã hội                             | -                  | -                               | (590.442.607)                               | (590.442.607)    |
| Điều chỉnh quỹ công tác xã hội                        | -                  | -                               | (21.818.288)                                | (21.818.288)     |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>              | 145.000.000.000    | 219.010.945.308                 | 331.752.574.495                             | 695.763.519.803  |
| Lợi nhuận thuần trong năm                             | -                  | -                               | 71.877.272.694                              | 71.877.272.694   |
| Cổ tức (Thuyết minh 21)                               | -                  | -                               | (50.750.000.000)                            | (50.750.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)      | -                  | -                               | (5.450.390.830)                             | (5.450.390.830)  |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) | -                  | -                               | 6.613.532.775                               | 6.613.532.775    |
| Trích quỹ công tác xã hội                             | -                  | -                               | (726.087.989)                               | (726.087.989)    |
| Điều chỉnh quỹ công tác xã hội                        | -                  | -                               | 102.155.191                                 | 102.155.191      |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>            | 145.000.000.000    | 219.010.945.308                 | 353.419.056.336                             | 717.430.001.644  |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|   | 31/12/2022<br>Số cổ phiếu | và 1/1/2022<br>VND |
|---|---------------------------|--------------------|
| <b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b> |                           |                    |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 14.500.000                | 145.000.000.000    |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>              |                           |                    |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 14.500.000                | 145.000.000.000    |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**21. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 21.750 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2021 (2021: 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020).

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chia tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2021: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 21.750 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021).

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | 31/12/2022<br>VND | 1/1/2022<br>VND |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 1.686.873.091     | 1.636.266.714   |
| Từ hai đến năm năm | 5.935.932.060     | 6.310.936.278   |
| Sau năm năm        | 51.345.055.626    | 52.629.785.944  |
|                    | 58.967.860.777    | 60.576.988.936  |

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày bảng cân đối kế toán, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

|   | 31/12/2022<br>VND | 1/1/2022<br>VND |
|---|-------------------|-----------------|
| Đã được phê duyệt và đã ký kết hợp đồng | 4.302.311.006     | 3.704.683.637   |

**(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba**

|      | Đơn vị | 31/12/2022 | 1/1/2022  |
|------|--------|------------|-----------|
| Chai | Chai   | 1.416.359  | 1.008.063 |
| Két  | Két    | 33.003     | 33.003    |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

|                      | 2022<br>VND     | 2021<br>VND     |
|----------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng doanh thu       |                 |                 |
| ▪ Bán thành phẩm     | 731.694.974.339 | 766.271.181.662 |
| ▪ Doanh thu cho thuê | 876.740.364     | 1.060.693.000   |
| ▪ Doanh thu khác     | 12.840.975.089  | 12.734.663.560  |
|                      | 745.412.689.792 | 780.066.538.222 |

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

|   | 2022<br>VND     | 2021<br>VND     |
|---|-----------------|-----------------|
| Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp             |                 |                 |
| ▪ Thành phẩm đã bán                                   | 661.857.388.879 | 664.380.676.350 |
| ▪ Dịch vụ đã cung cấp                                 | 745.021.407     | 898.962.038     |
| ▪ Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho | 337.181.828     | (500.826.053)   |
| ▪ Giá vốn khác  | 704.681.882     | 3.491.978.271   |
|   | 663.644.273.996 | 668.270.790.606 |





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | 2022<br>VND    | 2021<br>VND    |
|---|----------------|----------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn                        | 12.541.162.273 | 8.345.059.620  |
| Cổ tức được chia                              | 2.837.710.500  | 1.891.807.000  |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn khác | -              | 4.173.788.200  |
|   | 15.378.872.773 | 14.410.654.820 |

**27. Chi phí tài chính**

|                                 | 2022<br>VND | 2021<br>VND |
|---------------------------------|-------------|-------------|
| Chi phí lãi vay                 | 143.937.123 | 178.605.863 |
| Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện | -           | 9.223.971   |
|                                 | 143.937.123 | 187.829.834 |

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                           | 2022<br>VND    | 2021<br>VND    |
|---------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí nhân viên         | 12.567.741.535 | 12.326.475.344 |
| Chi phí khấu hao          | 1.035.969.156  | 1.268.539.053  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.960.567.815  | 971.369.217    |
| Chi phí quản lý khác      | 4.229.668.032  | 4.665.385.059  |
|                           | 19.793.946.538 | 19.231.768.673 |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|  | 2022<br>VND     | 2021<br>VND     |
|--|-----------------|-----------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 514.973.889.349 | 498.121.528.293 |
| Chi phí nhân công và nhân viên                 | 45.946.717.244  | 48.590.993.303  |
| Chi phí khấu hao                               | 67.368.209.337  | 69.241.900.151  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 32.721.390.470  | 41.638.258.530  |
| Chi phí khác                                   | 22.428.014.134  | 29.909.879.002  |
|  |                 |                 |

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

|   | 2022<br>VND   | 2021<br>VND   |
|---|---------------|---------------|
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> |               |               |
| Năm hiện hành                                       | 5.012.773.764 | 8.478.224.826 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước                | 684.430.703   | 381.696.551   |
|   | 5.697.204.467 | 8.859.921.377 |
| <b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>     |               |               |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời      | (178.739.690) | 146.486.492   |
|   | 5.518.464.777 | 9.006.407.869 |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|  | 2022<br>VND     | 2021<br>VND     |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                                 | 77.395.737.471  | 106.663.891.097 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty                         | 15.479.147.494  | 21.332.778.220  |
| Chi phí không được khấu trừ thuế                             | 689.419.090     | 200.940.906     |
| Thu nhập không bị tính thuế                                  | (819.057.192)   | (378.361.400)   |
| Ưu đãi thuế  | (3.322.378.495) | (4.334.166.406) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con | (6.118.839.790) | (8.602.821.438) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận            | (895.517.343)   | 259.854.944     |
| Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận           | (178.739.690)   | 146.486.492     |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước                         | 684.430.703     | 381.696.551     |
|  | 5.518.464.777   | 9.006.407.869   |

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)**

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

|  | 2022<br>VND     | 2021<br>VND<br>(Điều chỉnh lại) |
|--|-----------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm                  | 71.877.272.694  | 97.657.483.228                  |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)        | (5.450.390.830) | (11.713.305.806)                |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)  | -               | 6.613.532.775                   |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 66.426.881.864  | 92.557.710.197                  |

(\*) Việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa trên số dự toán đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(\*\*) Việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại thành 6.383 VND/cổ phiếu dựa trên số đã điều chỉnh trích quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 5.927 VND/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|   | Giá trị giao dịch |                   |
|---|-------------------|-------------------|
|   | 2022<br>VND       | 2021<br>VND       |
| <b>Công ty mẹ</b>   |                   |                   |
| <b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b> |                   |                   |
| Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)                 | 1.443.341.419.280 | 1.486.490.885.150 |
| Mua nguyên vật liệu   | 503.720.752.815   | 441.074.407.890   |
| Cổ tức  | 25.882.500.000    | 33.277.500.000    |
| Bán nguyên vật liệu   | 864.840.000       | 567.780.000       |
| Giao dịch khác  | 129.191.952       | 430.636.314       |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Giá trị giao dịch |               |
|--|-------------------|---------------|
|  | 2022<br>VND       | 2021<br>VND   |
| <b>Công ty liên kết</b>  |                   |               |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>                  |                   |               |
| Bán nguyên vật liệu  | -                 | 48.296.000    |
| Mua nguyên vật liệu  | 31.121.605        | -             |
| Khác   | -                 | 56.487.760    |
| <b>Các bên liên quan khác</b>                                  |                   |               |
| <b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>   |                   |               |
| Bán nguyên vật liệu  | 40.192.500        | 47.952.000    |
| Mua nguyên vật liệu  | -                 | 212.961.000   |
| Cổ tức   | 2.837.710.500     | 1.891.807.000 |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung – Trụ sở chính</b> |                   |               |
| Mua công cụ, dụng cụ   | -                 | 1.791.600.000 |
| <b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co</b>             |                   |               |
| Mua dịch vụ  | 300.100.000       | 108,500,000   |
| Mua vật tư phụ tùng  | 93.400.000        | -             |
| Mua nguyên vật liệu  | 275.961.000       | -             |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>        |                   |               |
| Mua hàng hóa   | -                 | 312.259.400   |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>         |                   |               |
| Mua hàng hóa   | 1.677.276.072     | 881.384.730   |
| <b>Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>             |                   |               |
| Mua hàng hóa   | 169.561.610       | 109.801.820   |
| <b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>      |                   |               |
| Bán bao bì kết chai  | 363.800.000       | -             |
| Phí sử dụng bao bì   | 2.814.042         | 850.564.924   |
| <b>Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn</b>        |                   |               |
| Mua hàng hóa   | -                 | 127.240.000   |
| <b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam</b>                |                   |               |
| Bán công cụ dụng cụ  | 143.108.000       | 9.282.000     |
| <b>Công ty Cổ Phần Rượu Bình Tây</b>                           |                   |               |
| Mua hàng hóa   | 145.676.000       | 112.068.000   |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre</b>                   |                   |               |
| Mua nguyên vật liệu  | 38.880.000        | -             |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|                           | Giá trị giao dịch |               |
|---------------------------|-------------------|---------------|
|                           | 2022<br>VND       | 2021<br>VND   |
| <b>Hội đồng Quản trị</b>  |                   |               |
| <i>Thù lao</i>            |                   |               |
| Ông Neo Gim Siong Bennett | 130.000.000       | 130,000,000   |
| Ông Trần Nguyên Trung     | 195.000.000       | 195,000,000   |
| Ông Phạm Đình Hùng        | 91.000.000        | 91,000,000    |
| Ông Nguyễn Văn Đồi        | 91.000.000        | 91,000,000    |
| Bà Nguyễn Thị Kim Cúc     | 169.000.000       | 169,000,000   |
| <b>Ban Giám đốc</b>       |                   |               |
| Lương thưởng              | 6.198.594.511     | 5.897.847.960 |
| <b>Ban Kiểm soát</b>      |                   |               |
| Lương, thù lao            | 630.126.348       | 621.613.065   |

**33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

|   | 2022<br>VND   | 2021<br>VND |
|---|---------------|-------------|
| Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán | 4.792.470.909 | -           |

**34. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc





**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

TP. Cần Thơ, ngày 07 tháng 04 năm 2023

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



Neo Gim Siong Bennett

# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY



Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ



[www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)



02923 843 333



02923 843 222